



Mục lục

SỰ KIỆN

3 NGUYỄN PHÚ TRỌNG:

Ra sức học tập, nỗ lực phấn đấu và rèn luyện, không ngừng làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh

14 Bài phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương 3, khóa XIII của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

22 VŨ VĂN HIỀN:

Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

38 NGUYỄN VĂN THẠO:

Một số kiến nghị về phát triển kinh tế số ở Việt Nam

52 NGUYỄN VIỆT THÔNG:

Những nhận thức lý luận mới về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng

65 *:**

Công tác kiểm tra, giám sát với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng



RA SỨC HỌC TẬP, NỖ LỰC PHẤN ĐẤU VÀ RÈN LUYỆN, KHÔNG NGỪNG LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC VÀ PHONG CÁCH CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII, triển khai Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XIII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW "Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh".

*Thưa các vị đại biểu, các vị khách quý,
Thưa toàn thể các đồng chí,*

Trong không khí toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang thành kính tưởng nhớ và có nhiều hình thức tổ chức kỷ niệm 131 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, 110 năm ngày Bác ra đi tìm đường cứu nước, 80 năm Ngày Bác về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam; và trong niềm vui mừng, tin tưởng, tự hào của nhân dân cả nước về thành công rất tốt đẹp của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; cuộc bầu cử đại biểu

Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, hôm nay chúng ta long trọng tổ chức Hội nghị toàn quốc sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". Đây là một việc làm rất cần thiết và có ý nghĩa.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt chào mừng và gửi tới các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các tập thể, cá nhân tiên tiến, điển hình, các vị đại biểu tham dự



Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chủ trì Hội nghị Hội nghị trực tuyến toàn quốc sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, triển khai Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XIII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW

Ảnh: toquoc.vn

Hội nghị lời chào thân ái, lời thăm hỏi chân tình và lời chúc tốt đẹp nhất.

Thưa các đồng chí,

Chúng ta đều đã biết, Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu của chúng ta là Vị lãnh tụ thiên tài của Đảng và dân tộc, Người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, Anh hùng giải phóng dân tộc, Người chiến sĩ Cộng sản quốc tế mẫu mực, Danh nhân văn hóa thế giới. Người đã đi xa, nhưng di sản Người để

lại cho Đảng ta, nhân dân ta là vô cùng đồ sộ và quý giá: Đó là Thời đại Hồ Chí Minh; Sự nghiệp Hồ Chí Minh; Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Một tấm gương sáng ngời để chúng ta thường xuyên học tập và noi theo. Người là biểu tượng cao đẹp nhất của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam; kết tinh rạng ngời của đạo đức, trí tuệ, khí phách, lương tri của dân tộc và thời đại.

Trọn cả cuộc đời, Người đã rèn luyện, cống hiến không ngừng, không nghỉ, tất thảy đều hiến dâng cho Tổ quốc, đồng bào, cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Một cuộc đời đầy gian khổ hy sinh, nhưng vô cùng oanh liệt, cao thượng; vô cùng phong phú, trong sáng và đẹp đẽ. Một vĩ nhân đã đi vào lịch sử và trở thành huyền thoại ngay từ khi Người còn sống. Cuộc đời và sự nghiệp của Người đã trở thành biểu tượng cách mạng, khơi dậy khát vọng và niềm tin cho nhân dân Việt Nam và nhân dân tiến bộ thế giới trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội. “Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, Người Anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”.

Tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá của Đảng ta và nhân dân ta, soi sáng sự nghiệp cách mạng, dẫn dắt mỗi bước đi lên và thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách

của Chủ tịch Hồ Chí Minh là việc làm rất cần thiết, là nhiệm vụ hết sức quan trọng, thường xuyên, không thể thiếu đối với toàn Đảng, toàn dân ta, trước hết là các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước và cán bộ, đảng viên trong tu dưỡng, rèn luyện, cống hiến, phụng sự đất nước, phục vụ nhân dân.

Vậy chúng ta hiểu Tư tưởng Hồ Chí Minh là gì? Đạo đức Hồ Chí Minh là gì? và Phong cách Hồ Chí Minh là gì?

Nói một cách vắn tắt:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh: Là một hệ thống các quan điểm, nhận thức, tư tưởng chỉ đạo rất cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cách mạng và con đường đi lên của cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay. Đó là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Người nhiều lần khẳng định: “Nước Việt Nam là một, Dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”. “Thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”;

“Không có gì quý hơn độc lập, tự do”; “Dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”. “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, nước ta có vị trí xứng đáng trên trường quốc tế”. “Nước độc lập mà Dân không hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”. Vì vậy, độc lập phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội; giải phóng dân tộc phải gắn liền với giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tức là phải tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, Dân tộc Việt Nam có vẻ vang sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, điều quan trọng là phải phát huy được sức mạnh đại đoàn kết của toàn dân tộc, tập hợp được mọi lực lượng, dân tộc, tôn giáo, mọi người dân Việt Nam yêu nước: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công!”. “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường

cách mạng vô sản”. “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin, chủ nghĩa Mác - Lênin”. Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân dưới sự lãnh đạo đúng đắn của một đảng cách mạng chân chính. Đảng có mạnh thì Dân tộc mới mạnh, vì Đảng là đội tiên phong, là người lãnh đạo của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của toàn dân tộc.

- Đạo đức Hồ Chí Minh: Là đạo đức cách mạng, là những phẩm chất cao quý của một người cách mạng. Đó là: Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Cần: Là cần cù, chăm chỉ, tận tụy, hết lòng hết sức vì công việc chung, vì nước, vì dân. Kiệm: Là tiết kiệm, không xa hoa, lãng phí, nhất là đối với của công. Liêm: Là thanh liêm, giữ liêm sỉ, danh dự, trong sạch, trong sáng. Chính: Là chính trực, ngay thẳng, khảng khái, không quy lụy, cúi lồn, giữ sĩ khí của một người quân tử, chính khách. Chí công vô tư: Là làm việc vì sự nghiệp chung, đặt lợi ích công lên trên hết, trước hết; không tư lợi, vụ lợi, không vì lợi ích riêng. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá

nhân, “quét sạch chủ nghĩa cá nhân”. Vì “chủ nghĩa cá nhân là giặc nội xâm”, “là kẻ thù hung ác”; “nó rất gian xảo, xảo quyệt, nó kéo người ta xuống dốc không phanh”... Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng. Người thường nói: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”.

- Phong cách Hồ Chí Minh: Là lối sống, tác phong khiêm tốn, giản dị, cầu thị, gần dân, trọng dân, tin dân, học dân, làm việc gì cũng vì lợi ích của nhân dân; là đầy tớ của dân chứ không phải “làm quan nhân dân”, không được lên mặt “làm quan cách mạng”. Mỗi cán bộ, đảng viên phải tự giác học tập, ra sức tu dưỡng, rèn luyện để không ngừng nâng cao nhận thức, trình độ, trở thành những con người có văn hoá, có liêm sỉ, “tận trung với Đảng, tận hiếu với Dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến công tác giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên. Người thường nói: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”. Cần hiểu rõ, “Muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”, “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”. Do vậy, phải đặc biệt chú trọng công tác giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên, xây dựng được nhiều tấm gương người tốt, việc tốt. Người căn dặn: “Người tốt việc tốt” như hoa nở mùa Xuân, nêu gương sáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng”. “Lấy gương người tốt, việc tốt để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới”.

Trong thời gian qua, việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã được Đảng ta nêu ra và chỉ đạo từ rất sớm,

bằng nhiều chỉ thị, nghị quyết, qua nhiều thời kỳ. Gần đây nhất là Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị khoá XII “về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ, đã đạt được nhiều kết quả rất quan trọng, khá toàn diện, với nhiều cách làm mới, sáng tạo, thiết thực, tạo chuyển biến mạnh mẽ, tích cực, có sức lan toả sâu rộng trong toàn Đảng và toàn xã hội, được Đại hội XIII của Đảng đánh giá cao. Nổi bật là: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được thực hiện một cách nghiêm túc, bài bản, chất lượng. Việc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, gắn với trách nhiệm nêu gương có chuyển biến tích cực. Các cấp uỷ, cán bộ, đảng viên, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, nhất là các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương đã thực hiện nêu gương bằng những việc làm,

hành động cụ thể, với phương châm “trên trước, dưới sau”, “trong trước, ngoài sau”, “học tập đi đôi với làm theo”. Công tác tuyên truyền với nhiều cách làm sáng tạo, có sức tác động, lan toả mạnh mẽ đến nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, nhân dân, làm cho tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh từng bước trở thành nền tảng tinh thần của xã hội. Công tác kiểm tra, giám sát được chú trọng, có tính giáo dục, răn đe cao, phòng ngừa các sai phạm.

Những kết quả tích cực trên đây đã góp phần đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trách nhiệm và động cơ đúng đắn, tiên phong, gương mẫu, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần tạo ra những đột phá trong việc phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ đất nước. Nhiều vấn đề khó, hết sức phức tạp trong

công tác xây dựng Đảng, nhất là gắn với việc chỉnh đốn Đảng, đã được đề cập trong nhiều nhiệm kỳ, và đến nhiệm kỳ Đại hội XII đã được giải quyết có kết quả rõ rệt. Từ trong phong trào học tập và làm theo Bác, đã xuất hiện nhiều tấm gương tập thể, cá nhân tiên tiến, điển hình, thực sự có sức lan tỏa trong xã hội, khơi dậy tình cảm, động lực, tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc và mong muốn cống hiến, phụng sự đất nước trong mọi tầng lớp xã hội, cổ vũ toàn thể nhân dân ta kiên định, hằng hái, phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt hoan nghênh và biểu dương các tập thể, cá nhân tiên tiến, điển hình trong việc học tập và làm theo Bác. Mỗi tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến đó là “những bông hoa đẹp”, đang từng ngày vun góp, tạo ra “rừng hoa đẹp” cho đất nước. Đảng và Nhà nước trân trọng ghi nhận và mong các đồng chí tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được, nêu gương sáng, dẫn dắt, nhân rộng để mọi người noi theo, cùng tiến bộ.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả nêu trên, việc thực hiện Chỉ thị số 05

vẫn còn không ít hạn chế, cần được khắc phục. Đó là: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có nơi, có lúc chưa quyết liệt, chưa kịp thời, chưa sát thực tế, chưa thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Việc cam kết tu dưỡng, rèn luyện, gắn với thực hiện trách nhiệm nêu gương của một bộ phận cán bộ, đảng viên hiệu quả chưa cao. Việc xác định khâu đột phá có nơi còn lúng túng. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có lúc còn bị động. Việc phát hiện, biểu dương các tập thể, cá nhân điển hình trong học tập và làm theo Bác chưa kịp thời, chưa đầy đủ; việc tuyên truyền, quảng bá, cổ vũ những gương người tốt, việc tốt nhiều lúc còn thiếu sức thuyết phục. Công tác đấu tranh với các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống chưa mạnh mẽ; việc tự phê bình và phê bình có nơi, có lúc còn làm qua loa, chiếu lệ, hình thức; tình trạng thiếu tự giác nhận khuyết điểm, đổ lỗi cho khách quan hoặc nể nang, né tránh, ngại va chạm còn diễn ra ở nhiều nơi. Công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên, thiếu quyết liệt; phạm vi, đối tượng còn hẹp; hiệu quả cảnh báo, phòng ngừa vi phạm chưa cao...

Thưa các đồng chí,

Sau 35 năm đổi mới, từ một nước nghèo, cơ sở vật chất - kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội lạc hậu, trình độ thấp, Việt Nam đã vươn lên đạt nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, “đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”. Tuy vậy, trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có những diễn biến rất nhanh, phức tạp, khó dự báo; thuận lợi, thời cơ đan xen với khó khăn, thách thức, đặt ra nhiều vấn đề mới, phức tạp, cấp bách hơn đối với công cuộc xây dựng, đổi mới và phát triển đất nước. Sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã cảnh báo vẫn tồn tại, có mặt còn gay gắt hơn. Các thế lực thù địch tìm mọi cách tăng cường chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, dân tộc ta, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, chia rẽ Đảng với nhân dân, hòng lật đổ Đảng ta, chế độ ta. Tình hình này tác động mạnh, nhiều chiều đến đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ

Chí Minh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ: “Trong những năm tới phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ”. “Kiên quyết, kiên trì thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng Đảng gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng các biện pháp mạnh mẽ, quyết liệt, đồng bộ để ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”.

Các cấp ủy đảng, chính quyền và các cơ quan, đơn vị cần phát huy những kết quả đã đạt được trong những năm qua, tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Nghiêm túc, tự giác thực hiện một cách có hiệu quả những yêu cầu, nhiệm vụ đã được chỉ ra tại Kết luận số 01-KL/TW, ngày

18/5/2021 mới đây của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Chú trọng quán triệt, tập trung làm tốt ba vấn đề: Học tập, làm theo Bác và nêu gương của cán bộ, đảng viên.

Học tập Bác: Là học tư tưởng, thế giới quan và nhân sinh quan cách mạng, đạo đức cách mạng và phong cách của người chiến sĩ cộng sản chân chính. Thúc đẩy việc học tập Bác trở thành lối sống, nếp nghĩ, cách làm của từng cán bộ, đảng viên và người dân. Làm cho tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh thực sự thấm sâu vào đời sống xã hội, thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, cội nguồn sức mạnh to lớn, để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành mọi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thực sự thấm nhuần tư tưởng của Bác, thống nhất giữa tư tưởng và hành động, giữa lời nói và việc làm. Ai cũng tìm thấy ở đó những chuẩn mực đạo đức cần học tập, tu dưỡng, rèn luyện, trở

thành nhu cầu, lẽ sống tự nhiên, mong muốn vươn lên, hoàn thiện chính bản thân mình: Bản lĩnh, kiên định, tuyệt đối trung thành với mục tiêu, lý tưởng cách mạng; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; gần dân, tin dân, yêu dân, học dân, gắn bó máu thịt với nhân dân, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Qua đó, bồi đắp tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường dân tộc, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, làm cho đất nước ngày càng phát triển, dân tộc ngày càng cường thịnh, trường tồn.

Với đội ngũ cán bộ, đảng viên đã được tôi luyện và trưởng thành, Đảng ta sẽ ngày càng tăng cường được sức mạnh, sức chiến đấu và sự trong sáng, xứng đáng với vai trò, sứ mệnh lãnh đạo cách mạng và sự tin cậy, kỳ vọng của nhân dân, “xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân”.

Làm theo Bác: Là thúc đẩy, tạo chuyển biến mạnh mẽ từ “học tập” sang “làm theo”, hiện thực hóa bằng những chương trình hành động cụ thể, việc làm cụ thể, thiết thực trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa

phương, cơ quan, đơn vị và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, gắn với đề cao chức trách, đạo đức công vụ của mỗi cán bộ, đảng viên; giải quyết hiệu quả các khâu đột phá và các vấn đề trọng tâm, bức xúc trong thực tiễn, trên nền tảng, kim chỉ nam là tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin trong mọi hành động.

Thấm nhuần tư tưởng của Bác về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tổ chức và cán bộ; nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thật sự “của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”.

Nêu gương: Là thực hiện đồng thời, gắn kết việc học tập với làm theo Bác và nêu gương. Phát huy hiệu quả mối quan hệ giữa ba nhiệm vụ này, trong đó đề cao vai trò, trách nhiệm tiên phong, gương mẫu với nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, mà trước hết là các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Mỗi cán bộ, đảng viên cần nghiêm túc thực hiện trách nhiệm nêu gương; người có chức vụ càng cao, cương vị càng lớn càng phải gương mẫu trong tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách, tác phong, lễ lối công tác để quần chúng, nhân dân noi theo; phải thể hiện được tư tưởng vững vàng, quan điểm đúng đắn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, hết lòng vì nước, vì dân; có phong cách lãnh đạo khoa học, dân chủ, sâu sát thực tiễn, thật sự là hạt nhân đoàn kết, quy tụ, tạo động lực và phát huy trí tuệ tập thể, theo tinh thần Bác đã dạy: “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”.

“Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”, kiên quyết, kiên trì, tích cực phòng ngừa, ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, tiêu cực, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, tình trạng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành việc làm thường xuyên, nhu cầu văn hóa tinh thần

trong Đảng, tạo dấu ấn rõ rệt về xây dựng văn hóa Đảng, để Đảng ta thật sự “là đạo đức, là văn minh”.

Trong quá trình thực hiện ba nhiệm vụ nêu trên, cần kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, trong đó “xây” là cơ bản, chiến lược; “chống” là quan trọng, cấp bách. Đề cao tinh thần “nói đi đôi với làm”, “rèn luyện suốt đời”, thường xuyên “tự soi”, “tự sửa”. Đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với tinh thần không có vùng cấm, không có ngoại lệ, không bị tác động bởi bất cứ tổ chức, cá nhân không trong sáng nào. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát. Nâng cao tính cảnh tỉnh, răn đe đối với những tư tưởng, biểu hiện tiêu cực; đồng thời khuyến khích, cổ vũ cán bộ, đảng viên suy nghĩ, hành động vì lợi ích chung, vì hạnh phúc của nhân dân, làm cho Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh.

Thưa các đồng chí,

Nhân dân ta thường có câu: “Đảng viên đi trước, làng nước theo sau”. Trải qua các giai đoạn lịch sử cách mạng

của dân tộc, nhân dân ta luôn tin tưởng rằng: “Đảng ta lãnh đạo rất sáng suốt đã đưa dân tộc ta tiến lên không ngừng từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”. “Đảng ta đã đào tạo một thế hệ thanh niên cách mạng, gái cũng như trai, rất hăng hái, dũng cảm trong mọi công tác. Đó là những bông hoa tươi thắm của chủ nghĩa anh hùng cách mạng”.

Tôi mong rằng, sau Hội nghị này, việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục được đẩy mạnh, ngày càng đi vào chiều sâu, ngày càng thiết thực và hiệu quả, tích cực góp phần vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước, phấn đấu đưa nước ta đến giữa thế kỷ XXI, vào dịp kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, thực hiện được tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đưa Việt Nam sánh vai với các cường quốc năm châu.

Chúc các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc, thành công.

Tôi xin trân trọng cảm ơn ■

BÀI PHÁT BIỂU BẾ MẠC HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 3, KHÓA XIII CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG

“Kính thưa Trung ương,

Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,

Sau 4 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, trách nhiệm, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương của chúng ta đã hoàn thành toàn bộ nội dung chương trình đề ra, kết thúc sớm hơn so với dự kiến được 1 ngày. Các đồng chí Ủy viên Trung ương và các đồng chí tham dự Hội nghị đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thảo luận dân chủ, thẳng thắn, đóng góp nhiều ý kiến trí tuệ, xác đáng vào các báo cáo, đề án. Bộ Chính trị đã tiếp thu tối đa và giải trình những vấn đề còn có ý kiến khác nhau. Ban Chấp hành Trung ương đã nhất trí cao thông qua Nghị quyết của Hội nghị. Sau đây, để bế mạc Hội nghị, tôi xin được thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư khái quát lại những kết quả chủ yếu đã đạt được và nhấn mạnh thêm một số vấn đề để thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo

triển khai thực hiện Nghị quyết của Trung ương.

1. Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, xem xét các vấn đề một cách khách quan, khoa học, Hội nghị đã thống nhất đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia, đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020, và tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2021. Đồng thời, cho ý kiến chỉ đạo hoàn thiện dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia, và đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025 để trình Quốc hội khóa XV xem xét, quyết định tại kỳ họp thứ nhất dự kiến sẽ được tổ chức vào cuối tháng 7 này.

Ban Chấp hành Trung ương trân trọng ghi nhận và nhiệt liệt hoan nghênh, biểu dương những nỗ lực

phần đầu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong việc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, tổ chức rất thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, đặc biệt là trong phòng, chống đại dịch COVID-19 - đợt bùng phát lần thứ tư, đang diễn biến rất phức tạp và nguy hiểm ở nước ta hiện nay. Nhờ đó, kết quả thực tế đạt được trong nhiệm kỳ khóa XII cao hơn so với số liệu đã trình Đại hội XIII của Đảng và báo cáo Quốc hội khóa XIV. Trong 6 tháng đầu năm, chúng ta đã tiếp tục kiên trì thực hiện mục tiêu vừa quyết liệt phòng, chống dịch bệnh vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đạt được nhiều kết quả tích cực: Kinh tế tăng trưởng 5,64%, cao hơn so với cùng kỳ năm trước; kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, ngoại hối ổn định, lạm phát được kiểm soát; thu ngân sách nhà nước đạt trên 58,2% so với dự toán, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm 2020; hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu tiếp tục phát triển. Đời sống của nhân dân, nhất là của người lao động ở vùng xảy ra dịch bệnh, vùng có khó khăn tiếp

tục được chăm lo. Bản chất tốt đẹp của chế độ ta và tinh thần yêu nước, đoàn kết, “thương người như thể thương thân” của dân tộc ta tiếp tục được phát huy. Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững. Các hoạt động đối ngoại tiếp tục được đẩy mạnh phù hợp với tình hình dịch bệnh trên thế giới, góp phần nâng cao vai trò, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam...

Tuy nhiên, Trung ương cũng thẳng thắn lưu ý và chỉ rõ: Trong 6 tháng đầu năm vừa qua, kinh tế - xã hội vẫn chưa đạt được mục tiêu đề ra. Bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, đất nước ta vẫn đang đứng trước không ít những khó khăn, thách thức mới và lớn, thậm chí gay gắt hơn. Tình hình dịch bệnh vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp, nguy hiểm hơn trước, có thể còn tiếp tục lan rộng, kéo dài, tác động mạnh đến mọi mặt của đời sống xã hội. Thị trường tài chính - tiền tệ, nhất là thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro. Hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân, nhất là ở những vùng, địa bàn và những ngành, lĩnh vực bị ảnh hưởng trực tiếp của dịch bệnh gặp

nhiều khó khăn. Vì vậy, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta cần tiếp tục nỗ lực phấn đấu cao hơn nữa, quán triệt đầy đủ, sâu sắc Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng để xây dựng và tổ chức thực hiện thật tốt các kế hoạch mới có thể hoàn thành thắng lợi được mục tiêu tổng quát đã đề ra cho cả nhiệm kỳ là: Bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn mức bình quân của 5 năm 2016 - 2020, để đến năm 2025 Việt Nam là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; thực hiện có hiệu quả các giải pháp khắc phục tác động của đại dịch COVID-19, nhanh chóng phục hồi tăng trưởng kinh tế. Phát huy mạnh mẽ giá trị văn hoá và sức mạnh của con người Việt Nam. Từng bước xây dựng xã hội có trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; bảo đảm cuộc sống của nhân dân yên bình và hạnh phúc. Bảo đảm

an sinh và phúc lợi xã hội; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Chú trọng bảo vệ tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu: Ngay sau Hội nghị này, Ban cán sự đảng Chính phủ cần chỉ đạo các cơ quan chức năng khẩn trương, nghiêm túc tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Trung ương để hoàn thiện thêm một bước các dự thảo kế hoạch trình Quốc hội xem xét, quyết định. Trong quá trình này, cần tiếp tục bám sát các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các chủ trương chính sách, biện pháp mà Đại hội XIII của Đảng đã đề ra để rà soát thật kỹ, chuẩn xác hoá nội dung Tờ trình và Dự thảo các kế hoạch, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất giữa Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội với Kế

hoạch tài chính quốc gia và Kế hoạch đầu tư công trung hạn; có những giải pháp mang tính đột phá, khả thi cao và sát hợp với thực tế tình hình: Vừa phải tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế -

xã hội vừa phải chủ động, tích cực phòng, chống dịch bệnh có thể còn tiếp tục kéo dài, thậm chí nguy hiểm, lan rộng nhanh hơn.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cần tiếp tục được bổ sung, làm rõ, tạo sự thống nhất cao về các vấn đề lớn, hết sức quan trọng như: Sự đúng đắn, phù hợp của mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu chủ yếu, các cân đối lớn của nền kinh tế và 12 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đã đề ra. Các cơ chế, chính sách, biện pháp để thực hiện thắng lợi sáu nhiệm vụ trọng tâm và ba đột phá chiến lược đã được Đại hội XIII của Đảng xác định để sớm khắc phục những hạn chế, yếu kém tồn đọng từ

lâu của nền kinh tế, bảo đảm ổn định ngày càng vững chắc hơn kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế; cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất,

chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp nhà nước và các thành phần kinh tế cho phát triển nhanh và bền vững, đặc biệt là các chính sách, biện pháp phát triển văn hoá, xã hội, xây dựng con người, bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp vượt qua những khó khăn do đại dịch COVID-19 gây ra.

Tập trung nghiên cứu, đề xuất và triển khai xử lý nhanh, dứt điểm các vướng mắc, tồn tại, điểm nghẽn trong quá trình phát triển.

Việc xây dựng kế hoạch tài chính

Việc thực hiện đường lối đổi mới đã đem lại những chuyển biến rõ rệt, hết sức sâu sắc và tích cực ở Việt Nam: kinh tế phát triển, lực lượng sản xuất được tăng cường; nghèo đói giảm nhanh, liên tục; đời sống nhân dân được cải thiện, nhiều vấn đề xã hội được giải quyết; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm; đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng được mở rộng...

quốc gia cần thấy hết những thuận lợi, thời cơ cũng như những khó khăn, thách thức để xác định một cách đúng đắn, khoa học và có cơ sở thực tế mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể về tài chính - ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 trong bối cảnh đại dịch COVID-19 đang tác động rất tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội; chú ý bảo đảm tỉ lệ chi hợp lý cho đầu tư phát triển và chi thường xuyên gắn với tinh giản bộ máy, biên chế, cải cách tiền lương, bảo đảm an sinh xã hội... Trong chỉ đạo quản lý, điều hành, cần coi trọng sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; bám sát thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo; gắn kết chặt chẽ kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công; tôn trọng các nguyên tắc của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; giữ vững kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước; chi ngân sách nhà nước trong khả năng của nền kinh tế và vay trong khả năng trả nợ, bảo đảm an ninh, an toàn tài chính quốc gia; coi trọng công tác thanh tra, kiểm tra, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn cần nhìn thẳng vào sự thật để tìm cho được các nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém tồn đọng từ lâu để đề ra các chính sách, biện pháp có tính đột phá, khả thi cao, tạo ra sự chuyển biến tích cực, rõ nét trong việc khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả; giải ngân chậm, nhiều dự án, công trình chậm tiến độ, thua lỗ, thất thoát, lãng phí... Đặt kế hoạch đầu tư công trong tổng thể kế hoạch đầu tư chung của toàn xã hội; gắn đầu tư công với đầu tư xã hội; đầu tư công phải thực sự có trọng tâm, trọng điểm, dẫn dắt và kích hoạt đầu tư của mọi thành phần kinh tế. Tập trung rà soát, loại bỏ những dự án chưa thật sự cần thiết, cấp bách để ưu tiên nguồn vốn cho các dự án, công trình trọng điểm, cấp bách của quốc gia và các ngành, lĩnh vực, các địa phương, nhất là các dự án phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có ý nghĩa chiến lược, liên vùng, tạo động lực cho phát triển nhanh và bền vững. Kiên quyết siết chặt kỷ luật, kỷ cương, xoá bỏ cơ chế “xin - cho”; chống tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm” trong đầu tư công. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân công, phân nhiệm đi đôi với tăng

cường phối hợp, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện; linh hoạt, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, nhất là về thể chế, thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng để đẩy mạnh việc giải ngân thực hiện dự án đúng tiến độ và bảo đảm chất lượng công trình...

2. Về các quy chế, quy định của Ban Chấp hành Trung ương

Hội nghị đã cho ý kiến để hoàn thiện và quyết định ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XIII; Quy định về thi hành Điều lệ Đảng và Quy định về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng nhiệm kỳ khóa XIII. Ban Chấp hành Trung ương đánh giá cao việc chuẩn bị nghiêm túc, công phu, có chất lượng các dự thảo và cơ bản nhất trí với những nội dung do Bộ Chính trị trình; đồng thời cho ý kiến sửa trực tiếp vào các điều khoản cụ thể của từng văn bản. Bộ Chính trị đã tiếp thu đầy đủ các ý kiến xác đáng và giải trình thấu đáo về các ý kiến khác.

Theo đó, các quy chế, quy định mới đã bám sát Điều lệ Đảng, kế thừa

những nội dung cốt lõi của các quy chế, quy định của các khóa trước; đồng thời bổ sung, sửa đổi một số nội dung cho phù hợp với thực tế tình hình nhiệm kỳ khóa XIII. Tuy nội dung bổ sung, sửa đổi không nhiều nhưng Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII đã có những bổ sung, sửa đổi quan trọng liên quan đến trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương, của Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương (bao gồm cả Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư), của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; trách nhiệm và quyền hạn của Tổng Bí thư, đồng chí Thường trực Ban Bí thư, của Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, và về chế độ làm việc, phương pháp công tác.

Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XIII đã quy định rõ hơn các vấn đề liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương; trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương; trách nhiệm, quyền hạn của Thường trực Ủy ban, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Ủy ban; và về mối quan hệ công tác với các ban đảng, ban

cán sự đảng, đảng đoàn, ban chỉ đạo của Trung ương...

Những nội dung mới của Quy định thi hành Điều lệ Đảng lần này chủ yếu tập trung vào một số vấn đề để làm tốt hơn công tác đảng viên như: Giới thiệu và kết nạp người vào Đảng; công nhận đảng viên chính thức; phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng; một số quy định về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; bầu đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên; việc lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp uỷ; sinh hoạt định kỳ của đảng bộ, chi bộ cơ sở; đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên; tổ chức cơ quan kiểm tra; khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên; đảng đoàn và ban cán sự đảng...

Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng khoá XI đã thể chế, cụ thể hoá các nội dung đã được Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khoá XII kết luận tại Nghị quyết số 53-NQ/TW; cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về

công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; và bổ sung nhiều quy định cụ thể khác liên quan đến các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn, có tính bản chất, phổ biến hoặc còn thiếu,... nhằm phát huy đầy đủ, đúng đắn hơn nữa chức năng kiểm tra, giám sát của Đảng.

3. Về công tác cán bộ

Ban Chấp hành Trung ương ghi nhận, đánh giá cao những nỗ lực của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Tổ chức Trung ương, các cơ quan có liên quan trong việc đổi mới, nâng cao chất lượng công tác cán bộ, triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 2 về kiện toàn một bước cán bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước thời gian qua; cách chuẩn bị bài bản, chặt chẽ, thận trọng, theo đúng nguyên tắc tập trung, dân chủ, tạo được sự đồng thuận, thống nhất cao. Đồng thời, Trung ương cũng nhất trí cao với Phương án do Bộ Chính trị trình về tiếp tục kiện toàn nhân sự các chức danh lãnh đạo của các cơ quan nhà nước nhiệm kỳ Quốc hội khoá XV. Ban Chấp hành Trung ương đã nhất trí đề xuất, giới thiệu bổ sung 23 nhân sự đảm nhiệm một số chức danh lãnh đạo Nhà nước nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Cũng tại Hội nghị này, sau khi xem xét các tờ trình của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương đã bầu bổ sung hai Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương; đồng thời quyết định thi hành kỷ luật đối với đồng chí Trần Văn Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bình Dương bằng hình thức cách chức tất cả các chức vụ trong Đảng; thi hành kỷ luật đồng chí Vũ Huy Hoàng, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã thành công tốt đẹp. Những nội dung được Trung ương đưa ra xem xét, quyết định tại Hội nghị này có ý nghĩa rất quan trọng, được cán bộ, đảng viên và nhân dân hết sức quan tâm, coi đây là một bước cụ thể hóa sớm và kịp thời Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết của Hội

nghị Trung ương lần này sẽ góp phần tích cực vào việc hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng

Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương cần nêu cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, gương mẫu đi đầu thực hiện và lãnh đạo tổ chức thực hiện thật tốt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các nghị quyết của Trung ương và đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị Trung

ương lần này.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Chúc các đồng chí mạnh khỏe, hoàn thành tốt trọng trách của mình trước Đảng, trước nhân dân và đất nước.

Xin trân trọng cảm ơn” ■



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH, BẢO VỆ TỔ QUỐC QUA 30 NĂM THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

I. VỀ NHẬN THỨC

1. Quá trình phát triển nhận thức và những nội dung đã rõ

a.) Nhận thức về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Đảng có sự đổi mới và ngày càng hoàn thiện.

Trên cơ sở xác định nhất quán về nhiệm vụ trọng tâm, hàng đầu của quốc phòng, an ninh là bảo vệ Tổ quốc, nhận thức của Đảng ngày càng phát triển, đáp ứng tình hình trong mỗi chặng đường lịch sử.

Từ Đại hội III (tháng 9/1960), cho tới Đại hội VI (tháng 12/1986), Đảng ta luôn xác định phải đẩy mạnh công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ngày càng vững mạnh bảo đảm điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng kinh tế.

Bước sang thập kỷ 90 của thế kỷ XX, mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, Đảng đã nhận thức sâu sắc hơn vị trí, vai trò,

nhiệm vụ xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Tại Đại hội VII (tháng 6/1991), Đảng ta đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong Cương lĩnh năm 1991, Đảng chỉ rõ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh một cách toàn diện: "...bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, quyền làm chủ của nhân dân, làm thất bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực đế quốc, phản động phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta"¹.

Đến Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX và sau đó là Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được nhận thức đầy đủ và toàn diện hơn: Nhiệm vụ quốc phòng, an ninh không chỉ là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ

quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, mà còn bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ nền văn hóa, giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình để xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kế thừa, bổ sung và phát triển Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh năm 2011 của Đảng đã khẳng định: "Mục tiêu, nhiệm vụ của *quốc phòng, an ninh* là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta"².

“ Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, quyền làm chủ của nhân dân, làm thất bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực đế quốc, phản động phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. ”

Trên cơ sở xác định rõ nhiệm vụ chung nhất của quốc phòng, an ninh như vậy, Cương lĩnh năm 2011 còn cụ thể hóa với những nội dung hết sức rõ ràng như sau:

Thứ nhất, xác định rõ trách nhiệm và lực lượng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh: “Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh nhân dân. Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh”³.

Thứ hai, chỉ rõ những yếu tố và cách thức triển khai để tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh của đất nước: “Sự ổn định và phát triển bền vững mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội là nền tảng vững chắc của quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường sức mạnh quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh

tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và trên từng địa bàn”.

Thứ ba, xây dựng lực lượng, tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh để thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Cương lĩnh năm 2011 chỉ rõ: “Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin yêu... Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang; bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong điều kiện mới. Xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang được trang bị kỹ thuật từng bước hiện đại”⁴.

Thứ tư, xác định rõ vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với lực lượng vũ trang: “Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống

nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng - an ninh”².

Đại hội XII của Đảng (tháng 01/2016) đã nâng tầm nhận thức, coi nhiệm vụ quốc phòng, an ninh còn là: “Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; ngăn chặn, phản bác những thông tin và luận điệu sai trái, đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh mạng”⁵.

Nếu như Cương lĩnh năm 2011 chủ trương “kết hợp quốc phòng - an ninh với kinh tế” thì tới Đại hội XII, Đảng nhấn mạnh thêm: “Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại; tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh”⁶. Văn kiện Đại hội XIII cụ thể hơn: “Kết hợp chặt chẽ hiệu quả giữa kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh và giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại”⁷.

b.) Phát triển nhận thức về tăng cường sức mạnh cho việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Nhận thức của Đảng ngày càng rõ hơn về sức mạnh và lực lượng để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Đó là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, sức mạnh tổng hợp của đất nước về chính trị, tư tưởng, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, sức mạnh của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, trong đó lực lượng vũ trang là nòng cốt. Để tăng cường sức mạnh cho lực lượng vũ trang thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Đảng chủ trương: “Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng; vững mạnh về chính trị, nâng cao chất lượng tổng hợp sức mạnh chiến đấu, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân”⁸. Đến Đại hội XIII, Đảng ta xác định rõ hơn: “Đến năm 2025, cơ bản xây dựng Quân đội, công an tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu đến năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; văn minh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ”⁹.

c.) Xác định ngày càng rõ hơn các nhiệm vụ cụ thể về quốc phòng, an ninh.

Nhận thức của Đảng về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đã ngày càng sâu sắc, toàn diện, đồng bộ, xác định rõ nhiệm vụ cụ thể của toàn Đảng, toàn dân, tất cả các ngành, các lĩnh vực, lực lượng vũ trang và các địa phương, đơn vị. Trong quá trình đổi mới, trước những diễn biến phức tạp của tình hình, nhất là tranh chấp chủ quyền biển, đảo, biên giới và các thủ đoạn chống phá mới của thế lực thù địch, nhận thức của Đảng đã kịp thời được bổ sung, phát triển. Đảng đã nhận thức đầy đủ, rõ ràng, cụ thể hơn về nội dung, phương thức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, coi đó là những hoạt động thường xuyên để bảo vệ Tổ quốc. Đảng chỉ rõ, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là xây dựng lực lượng lớn mạnh, sẵn sàng đấu tranh với các thế lực thù địch trong các tình huống: xâm phạm chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo, biên giới, gây rối, biểu tình, bạo loạn chính trị, bạo loạn vũ trang, lật đổ, ly khai; đấu tranh thường xuyên chống các tư tưởng, hành động sai trái với đường lối, quan điểm của Đảng.

d.) Nhận thức về đối tác, đối tượng là tư duy mới có tính đột phá.

Cùng với việc xác định phương thức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh phi vũ trang và đấu tranh vũ trang, kết hợp xây dựng với bảo vệ, lấy xây dựng để bảo vệ; nhận thức của Đảng về đối tác, đối tượng có bước phát triển mới, có cách nhìn biện chứng. Việc chuyển từ tư duy bạn, thù sang tư duy đối tác, đối tượng trên cơ sở lợi ích quốc gia - dân tộc là bước đột phá, thấy rõ sự đan xen, chuyển hóa giữa đối tượng, đối tác, xác định lấy đối tác làm cơ sở để thiết lập quan hệ quốc tế rộng rãi, đồng thời đấu tranh với đối tượng, với mặt đối tượng.

Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI chỉ rõ: Để phát huy thuận lợi, hạn chế thách thức, cần có cách nhìn mới và thống nhất về đối tác, đối tượng. Những ai chủ trương tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác của chúng ta. Bất kể thế lực thù địch nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng đấu tranh của Việt Nam.

đ.) Cụ thể hóa về vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với việc thực thi nhiệm vụ.

Để tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại cho lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, nhân tố quan trọng hàng đầu để lực lượng vũ trang thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ chính là phải tiếp tục giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, Đảng chủ trương tạo cơ sở vật chất - kỹ thuật ngày càng tiên tiến, hiện đại cho lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của mỗi cán bộ, đảng viên và từng người dân đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ

Nhận thức chung về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đã có những bước phát

triển mới và có chuyển biến tích cực nhưng chưa thật sâu sắc, cụ thể, chưa gắn với nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị. Nhận thức của một số cán bộ các cấp, các ngành chưa thật sâu sắc, đầy đủ về nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới, về xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân; về xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng thể trận an ninh nhân dân; về xây dựng “thể trận lòng dân”; về đấu tranh trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa; về đấu tranh ngăn chặn những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Chưa phân định rõ nội dung đấu tranh bảo vệ an ninh phi truyền thống và đấu tranh trên mạng xã hội.

Bên cạnh đó, nhận thức về những biến động mau lẹ, phức tạp, khó lường trên thế giới và khu vực, tác động trực tiếp đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh chưa thật rõ. Nhận thức về những diễn biến phức tạp và nguy cơ trên Biển Đông chưa thật sâu sắc và có lúc, có nơi chưa đưa ra được những dự báo chính xác.

II. VỀ THỰC TIỄN

1. Thành tựu

Đảng, Nhà nước đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh một cách toàn diện, kiên quyết và đạt được những thành tựu quan trọng, thể hiện trên một số nội dung chính sau:

a.) Thành tựu cơ bản, bao trùm

Đó là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Thực hiện Cương lĩnh và các nghị quyết của Đảng, quốc phòng, an ninh đã đạt nhiều thắng lợi quan trọng. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đã tham mưu cho Đảng, Nhà nước lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đường lối đối nội, đối ngoại hài hòa, chủ động triển khai lực lượng, phương tiện, biện pháp đấu tranh và đấu tranh có hiệu quả đối với các hoạt động xâm phạm chủ quyền, an ninh quốc gia, giữ vững ổn định chính trị, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đã kịp thời ngăn chặn, vô hiệu hóa nhiều âm mưu, hoạt động gây rối, gây bạo loạn, phá hoại, khủng bố. Đã chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp, bảo

vệ được chủ quyền biển, đảo, vùng trời. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu chính trị, kinh tế, quốc phòng và an ninh, các sự kiện chính trị, văn hóa đất nước, góp phần tạo môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

b.) Ban hành nhiều chủ trương, chính sách để triển khai nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Thiết thực triển khai thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh do Cương lĩnh đề ra, tiếp theo là Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX và sau đó là Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, trong đó xác định toàn diện các vấn đề cơ bản đáp ứng tình hình mới. Các nghị quyết đã mở ra bước đột phá mới trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Cùng với hai nghị quyết rất quan trọng đó, một số chiến lược về quốc phòng, quân sự, chiến lược an ninh, chiến lược bảo vệ biên giới và nhiều chủ trương, giải pháp trong các chiến lược tiếp tục được cụ thể hóa và hoàn thiện. Đó là cơ sở quan trọng để các tỉnh ủy, thành ủy,

ban cán sự Đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương xây dựng các chương trình hành động cụ thể để thực hiện nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ gắn với các hoạt động trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Từ đó đã xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh tại các vùng chiến lược Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ, Nam Trung Bộ, các thành phố lớn, các địa bàn chiến lược, các vùng kinh tế trọng điểm, các khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp.

c.) Về xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Đảng luôn xác định việc xây dựng lực lượng vũ trang là một trong những nội dung quan trọng của nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và đặt nó trong toàn bộ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân dựa vào sức mạnh tổng hợp của chế độ; xây dựng một cách toàn diện và có trọng điểm các yếu tố để tạo thành sức mạnh chiến đấu tổng lực để bảo

vệ Tổ quốc. Thực hiện nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh do Cương lĩnh năm 2011 đề ra là “Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin yêu”, thành tựu nổi bật trong những năm qua là: sức mạnh tổng hợp, khả năng chiến đấu của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân được chú trọng xây dựng và từng bước nâng cao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Lực lượng vũ trang đã nâng cao tinh thần chiến đấu và khả năng sẵn sàng chiến đấu; các quân chủng, binh chủng trong Quân đội và các lực lượng trọng yếu của Công an đã được củng cố, tăng cường; các vũ khí, khí tài được nâng cấp và trang bị tốt hơn; một số quân chủng, binh chủng của Quân đội và một số lực lượng tinh nhuệ của Công an đã phát triển theo hướng chính quy, tinh nhuệ và đi thẳng lên hiện đại. Đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang được quan tâm và cải thiện đáng kể.

Quân đội nhân dân và Công an nhân dân tiếp tục giữ vững và phát huy phẩm chất cao đẹp của đội quân cách mạng, đoàn kết, nhất trí cao trong nội bộ, gắn bó máu thịt với nhân dân, có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế cao cả, khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đang thực hiện sắp xếp bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ vững vàng về chính trị, mạnh về bản lĩnh chiến đấu, sáng tạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, chức trách. Với đội ngũ của lực lượng vũ trang hùng hậu, được trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật đúng mức, phù hợp với tình hình và nghệ thuật quân sự Việt Nam, các lực lượng vũ trang có đầy đủ khả năng làm tròn nhiệm vụ được giao phó.

Nhìn một cách tổng quát, việc xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đã quán triệt phương hướng, mục tiêu, nguyên tắc và định hướng chính sách về quốc phòng, an ninh mà Cương lĩnh và các nghị quyết của Đảng đã xác định. Đảng luôn xuất phát từ tình hình thực

tế của nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, phát huy truyền thống độc lập, tự chủ, sáng tạo để xác định các chủ trương, biện pháp đúng đắn về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Bởi vậy, lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh, đủ sức để hoàn thành mọi nhiệm vụ.

d.) Phương thức tiến hành các nhiệm vụ mới về quốc phòng, an ninh.

Trong những năm qua đã xuất hiện nhiều vấn đề phức tạp mới đặt ra đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đòi hỏi phải có những phương thức đấu tranh, tác chiến phù hợp. Đó là những biểu hiện mới của các thế lực thù địch thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”; các hoạt động phá hoại, gây rối, bạo loạn, lật đổ; các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; gia tăng các loại tội phạm mới; những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Lực lượng quốc phòng, an ninh đã cơ bản nắm bắt, đánh giá đúng tình hình, dự báo tương đối chính xác về âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Đã vận dụng đúng các quan điểm chỉ đạo của Đảng, hướng dẫn của Chính phủ, xử lý đúng

và hiệu quả từng vấn đề cụ thể; xử lý phù hợp mối quan hệ đối tác, đối tượng. Phương thức đấu tranh khi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đã có nhiều đổi mới, sáng tạo, linh hoạt. Đã có những chủ trương và giải pháp phòng, chống các thủ đoạn xâm phạm chủ quyền quốc gia và âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng chiêu bài nhân quyền, dân chủ, tôn giáo, kích động chủ nghĩa yêu nước cực đoan... để chống phá Đảng, Nhà nước. Đã xử trí tương đối hiệu quả, kịp thời các tình huống quốc phòng, an ninh trên không, trên biển, biên giới, nội địa để bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; ngăn chặn không để xảy ra bạo loạn lật đổ, bạo loạn vũ trang, xung đột vũ trang. Đã có những nỗ lực và đạt được hiệu quả trong việc ngăn chặn những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; chống âm mưu “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang, đòi đa nguyên, đa đảng. Kết quả của việc thực hiện các nhiệm vụ nêu trên đã góp phần quan trọng trong thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc,

bảo đảm trật tự, an ninh xã hội, giữ vững môi trường hòa bình để phát triển đất nước.

đ.) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với lực lượng vũ trang.

Trong quá trình thực hiện Cương lĩnh năm 1991, cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đã được bổ sung, hoàn thiện, bảo đảm giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng vũ trang, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Đảng luôn nắm vững quyền lãnh đạo cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức đối với sự nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Mọi hoạt động, mọi nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong bất kỳ điều kiện, hoàn cảnh nào, ở đâu, bất kỳ cấp nào cũng đều đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ, tuyệt đối của Đảng. Đảng bộ Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đã thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng trong các lực lượng vũ trang được nâng lên. Các tổ chức cơ sở đảng được xây dựng ngày

càng trong sạch, vững mạnh. Các cấp ủy được xây dựng, kiện toàn, có năng lực lãnh đạo toàn diện. Đã xây dựng được hệ thống tổ chức bộ máy công tác đảng, công tác chính trị có số lượng hợp lý và chất lượng cao; đã ban hành các nghị quyết mới về *Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, Chiến lược an ninh quốc gia.*

Quán triệt các chủ trương của Đảng về xây dựng lực lượng vũ trang, Nhà nước đã sửa đổi, bổ sung các luật về bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, các quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh, nghị định về xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng Nhà nước đã bảo đảm ngân sách cho quốc phòng, an ninh, cho các hoạt động của lực lượng vũ trang, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

Trong những năm qua, cơ chế lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với lực lượng vũ trang được hoàn thiện và vận dụng hiệu quả trong thực tiễn. Vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước từ Trung ương

đến các Bộ, ban, ngành và các địa phương đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phát huy hiệu quả và luôn là nhân tố quyết định mọi thắng lợi trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

2. Hạn chế, khuyết điểm

Trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh còn một số hạn chế: việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc có lúc, có nơi chưa thật đầy đủ, sâu sắc; cơ chế, chính sách, pháp luật về quốc phòng, an ninh chưa thật hoàn thiện. Nhân tố chính trị, tinh thần, thể trận lòng dân chưa được chú trọng đúng mức. Xây dựng khu kinh tế - quốc phòng - an ninh có nơi chưa đạt hiệu quả cao; kết hợp nhiệm vụ quốc phòng với an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh với đối ngoại chưa thật hài hòa, thiếu đồng bộ, cơ chế kiểm tra, giám sát, nội dung kết hợp chưa thật cụ thể, kết hợp chưa rõ ràng, xử lý sai phạm thiếu kiên quyết.

Tiềm lực quốc phòng, an ninh đã được tăng cường một bước nhưng vẫn còn có mặt hạn chế, việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, trang bị phương

tiện, nâng cao chất lượng vũ khí cho lực lượng vũ trang mặc dù đã được quan tâm đặc biệt nhưng thực sự còn có mặt hạn chế so với đòi hỏi của yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

Chưa phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và của nhân dân để thực thi nhiệm vụ. Sự phối hợp giữa các ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác bảo đảm an ninh trật tự chưa thường xuyên. Sự phối hợp giữa xây dựng nền quốc phòng toàn dân với nền an ninh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân chưa thật chặt chẽ, vẫn còn thiếu cơ chế và giải pháp cụ thể. Công tác nghiên cứu, dự báo và tham mưu chiến lược còn hạn chế, đánh giá, dự báo tình hình có mặt chưa cụ thể, kịp thời. Chỉ đạo, điều hành có lúc, có nơi chưa thật tập trung, kiên quyết. Xác định và xử lý đối tượng, đối tác trong một số trường hợp chưa thật linh hoạt.

3. Đánh giá tổng quát

Thực hiện Cương lĩnh của Đảng, lĩnh vực quốc phòng, an ninh đã đạt được những thành tựu chủ yếu như sau:

Thứ nhất, đã tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, thường xuyên quán triệt, nắm vững đường lối, quan điểm, tư duy mới của Đảng về bảo vệ Tổ quốc, lấy đó làm kim chỉ nam cho việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Đây là bài học lớn nhất và là giải pháp quan trọng bậc nhất có ý nghĩa quyết định đến thành bại của việc thực thi nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Thứ hai, nắm vững và thực hiện tốt phương châm chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh.

Phương châm chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là vấn đề rất quan trọng, là cơ sở để xác định đúng mục tiêu, phương thức, cách thức để bảo vệ sự bất khả xâm phạm của quốc gia, bảo vệ lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Những nội dung trọng yếu là: nắm chắc tình hình và giải quyết đồng bộ các vấn đề do thực tiễn đặt ra; dự báo đúng tình hình thế giới, khu vực, tình hình trong nước và từng địa bàn cụ thể; nhận rõ các thách thức quốc

phòng, an ninh, các tình huống xảy ra; đưa ra các định hướng hành động chính xác, kịp thời, linh hoạt để đối phó có hiệu quả với mọi tình huống, không để bất ngờ, bị động. Mục tiêu tối ưu của việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh chính là ngăn ngừa, đẩy lùi các nguy cơ xung đột, bất ổn, sẵn sàng ứng phó và ứng phó thành công trong mọi tình huống. Nắm chắc các vấn đề đó chính là những giải pháp căn bản để thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh quốc gia.

Nắm vững phương châm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh để xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân không ngừng lớn mạnh, tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh thông nhiệm vụ, sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ được Đảng và nhân dân giao phó. Tăng cường thực lực quốc phòng, an ninh của đất nước, đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh theo hướng hiện đại và lưỡng dụng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Thứ ba, tăng cường công tác tư tưởng, đẩy mạnh phát triển kinh tế,

văn hóa, xã hội, tạo điều kiện vững chắc cho việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho toàn dân về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; nhận thức rõ và vạch trần những âm mưu, thủ đoạn chống phá, hoạt động nguy hại của các thế lực thù địch. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và cho toàn dân. Lựa chọn nội dung và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chính sách, pháp luật phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn. Chủ động trong cuộc đấu tranh tư tưởng làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch và hoạt động lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc để chống phá, lôi kéo người dân tham gia.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nắm chắc nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ thường

xuyên, trọng yếu. Giải quyết hợp lý, hài hòa việc phát triển bền vững, sáng tạo, bao trùm kinh tế - xã hội đất nước với xây dựng *Quân đội nhân dân* và *Công an nhân dân* chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Thứ tư, sẵn sàng đối phó kịp thời với chiến tranh kiểu mới, chiến tranh công nghệ cao, mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

Thường xuyên theo dõi, nghiên cứu, nắm chắc sự phát triển của các hình thức chiến tranh công nghệ cao, chiến tranh kiểu mới. Nghiên cứu, giải quyết đồng bộ các vấn đề chiến lược, từ quan điểm, nguyên tắc, phương thức và nội dung, cách thức tác chiến. Trên cơ sở đó, tập trung tổ chức xây dựng lực lượng, vũ khí, trang thiết bị, xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh đi thẳng vào hiện đại và ứng dụng công nghệ cao, nghiên cứu sản xuất các trang thiết bị, vũ khí hiện đại của Việt Nam để ứng phó với tình hình.

Trong điều kiện mới, vẫn cần khẳng định: chiến tranh nhân dân vẫn là phương thức hữu hiệu để đối phó với chiến tranh công nghệ cao, chiến tranh kiểu mới; trang bị vũ khí hiện

đại là quan trọng, không thể thiếu nhưng vấn đề trọng yếu và cốt tử vẫn là nhân tố con người. Cần bồi dưỡng, đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang có bản lĩnh chính trị, trình độ nắm bắt, khai thác, làm chủ khoa học và công nghệ, vũ khí, trang thiết bị hiện đại. Chú trọng hiện đại hóa, trí tuệ hóa nguồn nhân lực của lực lượng vũ trang. Phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam trong điều kiện mới trên cơ sở tiếp thu, ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ và có những giải pháp hữu hiệu phòng, chống chiến tranh công nghệ cao, chiến tranh kiểu mới.

Hiện nay, mối đe dọa an ninh phi truyền thống đang trở thành vấn đề toàn cầu, cả thế giới cùng chung tay để phối hợp giải quyết. Trong bối cảnh như vậy, Việt Nam cần nghiên cứu những mức độ, khả năng và tình huống diễn biến của các loại hình an ninh phi truyền thống để có sự chuẩn bị chu đáo và có các giải pháp hữu hiệu ứng phó. Đồng thời, cần tích cực, chủ động tham gia các định chế và giải pháp toàn cầu để giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống một cách hiệu quả.

Thứ năm, xác định rõ đối tác, đối tượng.

Để xác định rõ đối tác, đối tượng, trước hết phải thực hiện nghiêm các nguyên tắc: tuân thủ sự lãnh đạo của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, phục vụ lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc; nâng cao cảnh giác, bảo đảm bí mật quốc gia.

Việc xác định đối tượng không nêu đích danh mà thông qua mô tả nội dung, hành động để nhận thức cho đúng. Các đối tượng cơ bản gồm: (1) Thế lực hiếu chiến, đồng minh và tay sai là đối tượng cơ bản, lâu dài; (2) Thế lực nước lớn có tham vọng, hành động xâm phạm chủ quyền lãnh thổ, lợi ích quốc gia của Việt Nam và chư hầu là đối tượng trực tiếp, nguy hiểm, lâu dài; (3) Tổ chức phản động trong và ngoài nước, lực lượng cơ hội, suy thoái chính trị, đạo đức sẵn sàng câu kết, tiếp tay cho thế lực bên ngoài là đối tượng nguy hiểm.

Trên cơ sở như vậy phải vừa xác định một cách khách quan, toàn diện về đối tượng bên ngoài trong từng tình huống, vừa chỉ rõ sự nguy hiểm của đối tượng bên trong. Phải cảnh giác, nắm rõ tình hình, kịp thời phát hiện âm

mưu, hành động của đối tượng; vừa hợp tác, vừa đấu tranh, tranh thủ mặt đồng thuận, hạn chế mặt đối lập, thêm bạn, bớt thù, tránh bị cô lập, kịp thời ngăn chặn và phá vỡ những liên minh gây chiến tranh xâm lược đất nước.

Về vấn đề đồng minh, liên minh, cần xác định rõ, trong sự cạnh tranh chiến lược quyết liệt giữa các nước lớn, nếu dựa vào nước lớn này làm đồng minh, liên minh thì sẽ trở thành đối tượng chiến lược, đối đầu với nước lớn khác. Vì vậy, Việt Nam kiên định chính sách “ba không”, thêm bạn, bớt thù; hài hòa quan hệ với các nước lớn; thiết lập, củng cố quan hệ với tất cả các nước, nhất là các đối tác chiến lược, hội nhập quốc tế sâu rộng, gia tăng sự đan xen lợi ích chung với nhiều nước, tạo sự ủng hộ, giúp đỡ của quốc tế; ngăn ngừa nguy cơ và đối phó thắng lợi với mọi hình thức chiến tranh xâm lược.

Thứ sáu, bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Trước hết, cần xác định nguyên tắc: Nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp và mọi mặt của Đảng, thường xuyên và trực tiếp là của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự quản lý tập trung thống nhất

của Nhà nước; sự tham gia của toàn dân, trong đó lực lượng vũ trang đóng vai trò then chốt.

Để bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc, cần đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao về tư tưởng, hành động của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân và của cả hệ thống chính trị trong việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Xây dựng Quân chủng Hải quân, Phòng không Không quân, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, có trang bị vũ khí, phương tiện tiên tiến, hiện đại; nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh

chiến đấu, công tác của lực lượng vũ trang đủ sức bảo vệ vững chắc vùng trời, vùng biển, đảo của Tổ quốc. Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân trên biển; thành lập lực lượng dân quân trên biển; củng cố, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc trên các đảo và trên đất liền. Nâng cao trình độ nghiệp vụ, khả năng nghiên cứu, nắm và dự báo sớm, sát, đúng tình hình để chủ động tham mưu xử lý các tình huống kịp thời, hiệu quả.

Tăng cường hợp tác quốc tế, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại quốc phòng, an ninh trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo ■

¹ ĐCSVN: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, t.51, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.142.

^{2, 3, 4} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.81-82, 82, 82-83, 83.

^{5, 6} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, sđd, tr.148, 149.

^{7, 8, 9} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.157, 149, 158.

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM

● PGS, TS NGUYỄN VĂN THẠO

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước, nâng cao nhận thức của xã hội về ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyển đổi số, phát triển kinh tế số

Các cấp ủy đảng, lãnh đạo các cơ quan nhà nước, các tổ chức trong hệ thống chính trị ở các cấp, các ngành, nhất là những người đứng đầu, cần phải nhận thức, quán triệt đầy đủ, sâu sắc các chủ trương, quan điểm của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, về chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư nói chung. Việc quán triệt và nhận thức sâu sắc của tập thể lãnh đạo, của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành, các địa phương phải được thể hiện bằng việc chủ động, tích cực xây dựng và thực hiện, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các chương

trình, kế hoạch chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách; đặt ra các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể để đánh giá.

2. Tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế cho phát triển kinh tế số

Các cơ quan lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước ở các cấp, các ngành cần phải bám sát tình hình thực tiễn, kịp thời phát hiện sự xuất hiện của những lĩnh vực kinh tế mới, mô hình kinh doanh mới dựa trên nền tảng công nghệ số, những bất cập của cơ chế, chính sách quản lý nhà nước đối với những mô hình mới, lĩnh vực mới này để nhanh chóng nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách tạo khung khổ pháp luật, môi trường thuận lợi cho các mô hình mới cùng hoạt động, phát triển, từ thực tiễn để tìm ra cách thức quản lý phù hợp,

không vì chưa biết quản lý thế nào hoặc chưa quản lý được thì ngăn chặn, ngăn cấm. Hoặc cho phép thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách trong một phạm vi nhất định, một thời gian nhất định, tạo hành lang pháp luật, cơ sở cho lĩnh vực mới, mô hình mới hoạt động để ngăn ngừa những tác động, ảnh hưởng tiêu cực có thể xảy ra, lan rộng từ những hoạt động này (Sandbox).

Cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Luật Công nghệ thông tin, Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách để khuyến khích đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ phát triển mạnh công nghiệp công nghệ thông tin truyền thông, lực lượng nòng cốt trong phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dịch vụ số, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số; khuyến khích, hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên nền tảng công nghệ số. Hoàn thiện thể chế, khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển hạ tầng số. Hoàn thiện thể chế, các chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực kinh tế,

phát triển các lĩnh vực mới, mô hình kinh doanh mới dựa trên nền tảng công nghệ số. Xác định rõ mối quan hệ, quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của các công ty cung cấp nền tảng công nghệ và những người hoạt động kinh doanh trên nền tảng công nghệ đó làm cơ sở cho hoạt động quản lý, xử lý tranh chấp và thu thuế từ các chủ thể này.

Cần hoàn thiện thể chế để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, các tài sản trí tuệ do Việt Nam tạo ra, tạo động lực cho đổi mới sáng tạo; khuyến khích thương mại hóa và chuyển giao để khai thác hợp lý, hiệu quả các tài sản trí tuệ và ngăn chặn, xử lý nghiêm các sai phạm. Hoàn thiện thể chế bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong nền kinh tế số. Xây dựng, hoàn thiện thể chế, luật pháp, chính sách, quy trình, tiêu chuẩn cho xây dựng cơ sở dữ liệu, quản trị dữ liệu, truy cập, khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu; cho bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ thông tin, bí mật cá nhân; tạo cơ sở pháp luật cho định danh số và xác thực điện tử quốc gia. Sớm nghiên cứu, ban hành các tiêu chí, tiêu chuẩn thống kê về kinh tế số phù hợp với

thông lệ, tiêu chí, tiêu chuẩn quốc tế để thực hiện thống nhất, phản ánh đầy đủ, chính xác về sự phát triển kinh tế số ở các ngành, lĩnh vực và của đất nước.

3. Phát triển hạ tầng số

Hạ tầng số cần phải được xây dựng đi trước một bước để tạo cơ sở, tiền đề cho sự ra đời, hoạt động, phát triển kinh tế số; đồng thời, đòi hỏi phải thường xuyên được nâng cấp, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu kết nối, truyền tải, lưu trữ, xử lý nhanh chóng, chính xác một khối lượng thông tin ngày càng lớn của nền kinh tế số không ngừng phát triển và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng (cùng với sự phát triển của chính phủ số, xã hội số). Trên cơ sở chiến lược, mục tiêu phát triển kinh tế số, chính phủ số, xã hội số tới năm 2025, cần rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch xây dựng phát triển hạ tầng số, có chính sách huy động các nguồn lực xã hội, của các thành phần kinh tế, trong và ngoài nước vào phát triển hạ tầng số. Phát triển, nâng cấp mạng cáp quang, Internet băng rộng, sớm hoàn thành việc chuyển đổi từ giao thức IPv4 sang giao thức mới IPv6 trên

toàn quốc. Phát triển mạng Internet vạn vật (IoT) tích hợp với các hệ thống hạ tầng thiết yếu như giao thông, truyền tải điện, nước, nhất là ở các đô thị lớn, hình thành hệ thống hạ tầng số chung, bao trùm các ngành, lĩnh vực.

Đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành kết nối đồng bộ, thống nhất, hình thành hệ thống dữ liệu đầy đủ, tin cậy của đất nước; ưu tiên đầu tư xây dựng các cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, tài chính, doanh nghiệp, y tế. Chuẩn hóa quy trình xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, việc gửi văn bản, nhận văn bản, báo cáo tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp; số hóa các hồ sơ, tài liệu lưu trữ để hình thành và phát triển các cơ sở dữ liệu số. Đầu tư trang thiết bị và đẩy mạnh nghiên cứu, tiếp thu làm chủ việc sử dụng các công nghệ điện toán, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, thực tế ảo/ thực tế tăng cường ở các cơ quan Đảng, Nhà nước, các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp lớn để xử lý thông

tin, khai thác cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác lãnh đạo, quản lý, các hoạt động sản xuất kinh doanh. Thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư dưới hình thức hợp tác công - tư xây dựng một số trung tâm điện toán, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo đủ mạnh để phân tích thông tin, xử lý dữ liệu cho phép các tổ chức, các doanh nghiệp cùng khai thác.

Nhà nước cần ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn, an ninh thông tin với mọi dự án xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng số (chỉ cho phép triển khai dự án khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn này); ban hành các tiêu chuẩn an toàn, an ninh đối với từng thiết bị công nghệ, thực hiện kiểm định chặt chẽ, cấp tem xác nhận đạt yêu cầu về an toàn, an ninh cho từng thiết bị trước khi được lắp đặt, kết nối vào hệ thống mạng; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá về mức độ an toàn, an ninh mạng của Việt Nam, đặc biệt là với các mạng quan trọng của đất nước. Yêu cầu các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp, vận hành hệ thống hạ tầng số phải cam kết bảo đảm an toàn, an ninh, có khả năng tự sàng lọc, ngăn chặn, phát hiện các

cuộc tấn công mạng, bảo vệ mạng ở mức cơ bản; các cơ quan quản lý nhà nước định kỳ kiểm tra, đánh giá. Nhà nước đầu tư xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo nguy cơ, phát hiện sớm các cuộc tấn công mạng, điều phối, ứng cứu sự cố mất an ninh, an toàn mạng, bảo đảm an toàn, an ninh mạng quốc gia. Xây dựng các trung tâm ứng cứu khẩn cấp sự cố mạng ở các cấp, các ngành, các doanh nghiệp, các trung tâm hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các đơn vị sự nghiệp ứng phó, xử lý các sự cố mất an toàn, an ninh thông tin. Đồng thời, tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ an ninh, an toàn, tôn trọng pháp luật, ứng xử văn hóa, bảo vệ các giá trị đạo đức đối với các tầng lớp nhân dân, mọi đối tượng tham gia hoạt động trên mạng; xây dựng, hình thành nên những quy tắc ứng xử, văn hóa ứng xử trên không gian mạng.

4. Phát triển khoa học - công nghệ và nguồn nhân lực

Phát triển, nâng cao tiềm lực khoa học - công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia. Đẩy mạnh cơ cấu lại các tổ chức nghiên cứu khoa học -

công nghệ công lập. Nhà nước tập trung đầu tư cơ sở vật chất theo hướng hiện đại, tăng cường tiềm lực đủ mạnh cho các trung tâm khoa học - công nghệ quốc gia và một số trung tâm nghiên cứu khoa học - công nghệ trọng điểm của một số ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước; đồng thời, khuyến khích thành lập, phát triển các tổ chức khoa học công nghệ ngoài Nhà nước, trong các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp lớn nước ngoài. Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các tổ chức nghiên cứu khoa học - công nghệ với các trường đại học và doanh nghiệp, giữa nghiên cứu với đào tạo và sản xuất kinh doanh. Coi trọng cả nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, nhất là tiếp thu, làm chủ công nghệ tiên tiến, hiện đại trên thế giới để sử dụng trong nước; trong đó, ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng một số công nghệ cao, cốt lõi để phát triển công nghệ số, phát triển kinh tế số, như công nghệ thông tin, Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, chuỗi khối, thực tế ảo/ thực tế tăng cường, cùng với những công nghệ tiêu biểu khác của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, như:

công nghệ nanô, vật liệu mới, công nghệ in 3D, công nghệ năng lượng mới, năng lượng sạch, công nghệ y - sinh... Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý hoạt động khoa học - công nghệ. Tăng cường đầu tư của Nhà nước cho khoa học - công nghệ, tăng cường cơ chế hợp tác công - tư, cùng đầu tư, cùng tài trợ cho hoạt động khoa học - công nghệ. Đổi mới công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học công nghệ; các nhiệm vụ khoa học - công nghệ phải hướng vào giải quyết các vấn đề lớn của đất nước đặt ra, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển đất nước. Mở rộng việc thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng, đấu thầu thực hiện các nhiệm vụ khoa học - công nghệ với cơ chế khoán đến sản phẩm cuối cùng, có sự tư vấn, phản biện, giám định, đánh giá của các tổ chức khoa học công nghệ độc lập đối với việc đấu thầu và chất lượng sản phẩm cuối cùng.

Phát triển hệ thống sáng tạo quốc gia lấy doanh nghiệp làm trung tâm, các trường đại học, viện khoa học là các chủ thể nghiên cứu mạnh, tập trung vào công nghệ số và các công nghệ cốt lõi khác của Cách mạng công

ngành lần thứ tư. Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, trước hết là ở các trung tâm kinh tế, khoa học - công nghệ như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng; áp dụng các cơ chế, chính sách có tính chất đột phá đối với hoạt động đổi mới sáng tạo để tạo sự phát triển đột phá trong quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, tạo ra những mô hình kinh doanh mới, sản xuất và cung ứng các sản phẩm mới, dịch vụ mới trên nền tảng công nghệ số. Đổi mới, tăng cường, nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo. Xây dựng, phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học công nghệ để được khai thác, sử dụng có hiệu quả cho phát triển khoa học công nghệ và kinh tế - xã hội đất nước. Hoàn thiện thể chế, phát triển các tổ chức tư vấn, thẩm định, đánh giá các sản phẩm khoa học - công nghệ, tạo thuận lợi cho phát triển thị trường các sản phẩm khoa học - công nghệ. Nhà nước, các ngành, lĩnh vực cần có quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ cả ở trong nước và ở nước

ngoài, nhất là những người có trình độ cao, những chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước; đồng thời, có chính sách thu hút, sử dụng, đãi ngộ, phát huy tài năng của các chuyên gia, nhà khoa học người Việt Nam làm việc ở nước ngoài và các chuyên gia giỏi nước ngoài vào làm việc ở Việt Nam. Mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ, mở rộng hợp tác đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ với các nước, các tổ chức khoa học - công nghệ, các doanh nghiệp lớn trên thế giới để nâng cao trình độ, tiềm lực khoa học - công nghệ của đất nước.

Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Trong chương trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo của đất nước nói chung, cần phải có chương trình riêng về giáo dục đào tạo đáp ứng yêu cầu số lượng, cơ cấu, chất lượng nguồn nhân lực thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, chính phủ số, xã hội số. Nội dung, chương trình giáo dục - đào tạo cần được đổi mới theo hướng phát triển năng lực, tư duy sáng tạo, khả năng thích ứng với môi trường công nghệ

thay đổi, phát triển nhanh chóng. Cần đưa vào chương trình giáo dục phổ thông những nội dung phổ cập về công nghệ số, kỹ năng số tối thiểu, những kiến thức cơ bản về bảo đảm an toàn, an ninh mạng, phương thức ứng xử khi tham gia mạng. Đưa vào nội dung, chương trình đào tạo ở trường dạy nghề, các khóa bồi dưỡng, đào tạo lại cho người lao động trong các doanh nghiệp những kiến thức về công nghệ số, kỹ năng sử dụng, vận hành các máy móc, thiết bị số, các dây chuyền tự động hóa điều khiển bằng công nghệ số phù hợp với từng ngành, nghề, lĩnh vực. Tất cả các trường đại học, cao đẳng đều cần bổ sung chương trình đào tạo các nội dung (kiến thức, kỹ năng) về công nghệ thông tin, công nghệ số. Các trường đại học khoa học - công nghệ phải là các trung tâm nghiên cứu, đào tạo chuyên gia có trình độ cao (đại học và sau đại học) về các công nghệ cốt lõi của công nghệ số, công nghệ thông tin. Đồng thời, triển khai các chương trình đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số, phát triển kinh tế số cho đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị các

cấp, các ngành, đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp.

Đổi mới mạnh mẽ cách dạy và học, quản lý giáo dục trên cơ sở ứng dụng công nghệ số. Ứng dụng công nghệ vào quản lý mọi mặt hoạt động của nhà trường và hệ thống giáo dục đào tạo (quản lý đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên, quản lý việc giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học, quản lý tài chính, cơ sở vật chất...). Số hóa giáo trình, tài liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu, tài nguyên kiến thức phục vụ giảng dạy, học tập; phát triển nền tảng công nghệ cho việc dạy và học từ xa, thi, kiểm tra qua hệ thống mạng trực tuyến; khuyến khích các mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên nền tảng công nghệ số, như các mô hình giáo dục đào tạo tích hợp khoa học - công nghệ - kinh doanh - tiếng Anh (STEM, STEAM...)...

5. Phát triển kinh tế số ở các ngành, lĩnh vực

Tập trung, ưu tiên phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông tạo ra những máy móc, thiết bị công nghệ số (phần cứng), các nền tảng số, dịch vụ số (phần mềm), phát triển hạ tầng số, bảo đảm an ninh,

an toàn mạng, tạo cơ sở thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế trong cả nền kinh tế. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo về công nghệ số. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông lớn, thương hiệu có uy tín của đất nước (Viettel, VNPT, Mobiphone, FPT...) phát triển, đầu tư nghiên cứu, làm chủ công nghệ, chuyển từ gia công lắp ráp sang sản xuất các thiết bị số (điện thoại thông minh, tivi thông minh, thiết bị IoT... theo Chương trình Make in Viet Nam - thiết kế, sản xuất tại Việt Nam), các phần mềm, dịch vụ số, xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, phát triển, ứng dụng mạng 5G, Internet băng rộng thế hệ mới, các công nghệ trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, chuỗi khối vào hoạt động quản lý, thiết kế, chế tạo sản phẩm ở các doanh nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực. Đồng thời ưu tiên thu hút các tập đoàn công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông lớn của thế giới đầu tư ở Việt Nam, có liên kết, chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp Việt Nam, xây dựng các trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ mới ở Việt Nam, tạo điều kiện cho doanh nghiệp

Việt Nam nâng cao trình độ khoa học - công nghệ, tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu các sản phẩm công nghệ số và để Việt Nam củng cố vai trò là một trung tâm của khu vực và thế giới về sản xuất, xuất khẩu thiết bị công nghệ số, phần mềm và các dịch vụ công nghệ số.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong các ngành công nghiệp truyền thống, sản xuất tư liệu sản xuất và sản xuất tư liệu tiêu dùng theo hướng trở thành các ngành công nghiệp tự động hóa, công nghiệp thông minh, trong đó các công nghệ số, thiết bị số được sử dụng trong quản lý các hoạt động của doanh nghiệp, trong tất cả các khâu, các công đoạn của quá trình sản xuất kinh doanh. Công nghệ số được sử dụng vào quản lý nhân sự, quản lý tài chính, tài sản của doanh nghiệp. Công nghệ máy tính, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, chuỗi khối, thực tế ảo/ thực tế tăng cường được sử dụng trong thiết kế, thử nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm, xây dựng quy trình, phương án tổ chức sản xuất kinh doanh trên không gian mạng, nhờ đó, rút ngắn được thời gian, lựa chọn

được sản phẩm và quy trình, phương án sản xuất tốt nhất, hợp lý, hiệu quả nhất. Quá trình chế biến, chế tạo sản phẩm được các máy móc, thiết bị công nghệ số thực hiện theo quy trình, dây chuyền sản xuất hoàn toàn tự động hóa, với độ chính xác cao, tiết kiệm tối đa thời gian, vật tư, nguyên liệu, năng lượng; việc cung ứng vật tư, nguyên liệu, năng lượng cho sản xuất cũng thực hiện theo lập trình của hệ thống máy tính, hoàn toàn tự động, đáp ứng chính xác yêu cầu cả về thời gian, số lượng, chất lượng. Trong quá trình chế biến, chế tạo, sản phẩm được hệ thống thiết bị tự động giám sát, đánh giá về chất lượng, kịp thời phát hiện, sửa chữa những sai sót hay loại bỏ những sản phẩm có sai sót, không đáp ứng đúng các tiêu chuẩn, yêu cầu về chất lượng. Những công việc nặng nhọc, ở khu vực độc hại đều do các robot, thiết bị tự hành đảm nhận. Đồng thời, các công nghệ số được sử dụng để phân tích, đánh giá thị trường, khách hàng; truyền thông số được sử dụng để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tương tác với khách hàng, hướng dẫn sử dụng, bảo hành sản phẩm, tiếp thu ý kiến của khách

hàng để hoàn thiện, phát triển sản phẩm và tổ chức hệ thống tiêu thụ, phân phối hợp lý, hiệu quả.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sản xuất lớn, công nghệ cao, thông minh, thân thiện với môi trường. Do đặc điểm của sản xuất nông nghiệp diễn ra trong không gian rộng, phân tán, với sự tham gia của hàng chục triệu hộ gia đình, trang trại, doanh nghiệp và phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên, đất, nước, khí hậu, thời tiết, hệ sinh thái... ở từng vùng, từng địa phương; do đó, việc xây dựng, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng số, cả hạ tầng kết nối (cáp quang, Internet, mạng 4G, 5G) và các cơ sở dữ liệu về đất, nước, thời tiết, khí hậu, hệ sinh thái... ở từng vùng, địa phương là rất quan trọng đối với phát triển nông nghiệp số và đòi hỏi có sự đầu tư của Nhà nước, của các doanh nghiệp công nghệ lớn vào những lĩnh vực này. Phát triển kinh tế số trong nông nghiệp đòi hỏi phải đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao hiểu biết, kiến thức, kỹ năng sử dụng công nghệ số cho những người sản xuất nông nghiệp. Cần có sự hợp tác, hỗ trợ của các

doanh nghiệp, các tổ chức tài chính, tổ chức khoa học - công nghệ, các cơ quan quản lý nhà nước đối với các chủ thể sản xuất nông nghiệp trong việc tiếp cận các nguồn lực tài chính, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, tuyển chọn giống cây, giống con có chất lượng tốt, phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng, mua sắm, lắp đặt, vận hành hệ thống máy móc thiết bị sản xuất tự động hóa trong các khâu từ làm đất, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm đến kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm, xây dựng hồ sơ về xuất xứ hàng hóa và sử dụng công nghệ số để tiếp thị, giới thiệu, quảng bá sản phẩm, ký kết hợp đồng tiêu thụ, nhất là để xuất khẩu được các sản phẩm nông nghiệp Việt Nam vào các nước phát triển có yêu cầu cao về chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực hiện những nội dung, nhiệm vụ nêu trên đòi hỏi phải có quan hệ hợp tác, phối hợp chặt chẽ giữa các hộ gia đình với nhau, với hợp tác xã, với các doanh nghiệp, các tổ chức khoa học công nghệ; cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn, phát triển các hợp tác xã, các

doanh nghiệp trong nông nghiệp.

Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực dịch vụ: phát triển vận tải thông minh, truyền tải phân phối điện thông minh, thương mại điện tử, du lịch số, tài chính, ngân hàng số, kinh tế dữ liệu, y tế, giáo dục số.

Để phát triển vận tải thông minh, các cảng biển, cảng hàng không, các nhà ga vận tải đường bộ, đường sắt cần phải được tổ chức, sắp xếp lại tổ chức, đầu tư đổi mới công nghệ, đào tạo, tập huấn cán bộ để chuyển toàn bộ hoạt động quản lý, điều hành vận tải sang sử dụng công nghệ số, như: bán vé, đặt chỗ, thanh toán qua mạng, tiếp nhận hành khách, kiểm tra, thông quan hàng hóa được thực hiện với các thiết bị hướng dẫn, giám sát tự động, quản lý, điều tiết các phương tiện vận tải đi, đến, ra, vào nhà ga, các cảng được thực hiện theo chương trình với sự hỗ trợ của các máy tính điện tử. Trên các phương tiện vận tải, các tuyến đường giao thông, nhất là ở các đô thị, thành phố lớn, có hệ thống giám sát, điều tiết giao thông tự động, bảo đảm thuận lợi, an toàn cho người, phương tiện tham gia giao thông và thuận lợi cho

việc giám sát, điều tiết giao thông của cơ quan quản lý nhà nước. Để phát triển hệ thống truyền tải, phân phối điện thông minh, cần sử dụng các công nghệ số vào công tác quản lý ở các trung tâm điều độ, các trạm biến áp, ở các công ty bán lẻ điện cho các hộ sử dụng để tự động hóa, tăng độ chính xác, công khai, minh bạch, an ninh, an toàn các quá trình này.

Để phát triển hơn nữa thương mại điện tử, cần nâng cấp hạ tầng số cho thương mại điện tử, thanh toán điện tử, hệ thống bảo đảm an ninh, an toàn mạng để việc mua bán, thanh toán diễn ra nhanh chóng, thuận lợi, an toàn; cần phát triển dịch vụ logistic vận chuyển giao hàng, rút ngắn thời gian giao hàng, bảo đảm an toàn cho hàng hóa; có quy định chặt chẽ bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng khi chất lượng hàng hóa nhận được không đúng như quảng cáo, hợp đồng mua qua mạng, bảo đảm thông tin của khách hàng không bị thu thập, sử dụng trái pháp luật. Khuyến khích phát triển, nâng cao thị phần của các doanh nghiệp thương mại điện tử Việt Nam trong thị trường thương mại điện tử trong nước. Để đẩy mạnh

phát triển du lịch số, các cơ quan quản lý du lịch, các doanh nghiệp du lịch cần xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu du lịch số, bản đồ du lịch số; mở rộng, nâng cấp các trang thông tin, giới thiệu, quảng bá tiềm năng du lịch của đất nước, bằng các hình ảnh sinh động giới thiệu các danh lam thắng cảnh, những bãi biển đẹp, những địa điểm nghỉ dưỡng hấp dẫn, các di tích lịch sử, các công trình văn hóa, khu vui chơi giải trí, mua sắm, các khách sạn, nhà hàng, các món ăn nổi tiếng, độc đáo, con người Việt Nam cởi mở, thân thiện, hiếu khách... để thu hút khách du lịch. Đồng thời, nâng cấp công nghệ, có các công cụ hướng dẫn, hỗ trợ tìm kiếm nhanh chóng các địa điểm, các dịch vụ, các tour du lịch đáp ứng yêu cầu đa dạng, phong phú của khách du lịch; khách du lịch có thể đặt vé, đặt xe, đặt phòng khách sạn, đặt tour du lịch dễ dàng, nhanh chóng, an toàn; ứng dụng các công nghệ thực tế ảo/ thực tế tăng cường để tạo ra những hình ảnh sinh động, sản phẩm du lịch hấp dẫn ở các địa điểm du lịch, nhất là ở các bảo tàng, các khu di tích lịch sử.

Đẩy mạnh phát triển ngân hàng số, tài chính số. Các ngân hàng cần tiếp tục đầu tư nâng cấp công nghệ, nâng cấp và kết nối các nền tảng Internet Banking và Mobile Banking, thực hiện mọi hoạt động của ngân hàng truyền thống bằng công nghệ số, trên không gian mạng, trực tuyến, không tiếp xúc, hoạt động 24h/7 ngày. Khách hàng không cần đến chi nhánh ngân hàng, bằng máy tính, điện thoại di động có thể nộp tiền vào tài khoản, vay tiền của ngân hàng, chuyển tiền/chuyển khoản, thanh toán khi mua sắm, tham gia các sản phẩm đầu tư, bảo hiểm nhanh chóng, tiện lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí, an toàn. Đồng thời, ngân hàng còn sử dụng các công nghệ điện toán, trí tuệ nhân tạo khai thác, phân tích dữ liệu để chấm điểm tín dụng, phát triển khách hàng, mở rộng thị trường; sử dụng công nghệ chuỗi khối để kết nối thanh toán, chuyển tiền qua biên giới, công nghệ QR code, sinh trắc học nhận diện vân tay, khuôn mặt để xác nhận khách hàng... bảo đảm an ninh, an toàn các hoạt động chuyển tiền, thanh toán tiền trên mạng. Phát triển các công ty tài chính sử dụng công nghệ

số (fintech) của Việt Nam ngày càng lớn mạnh, cung cấp các dịch vụ tài chính đa dạng (thanh toán điện tử, huy động vốn cộng đồng, cho vay ngang hàng, quản lý tài sản) với chất lượng ngày càng cao, chiếm thị phần ngày càng lớn trên thị trường này và liên kết, phối hợp chặt chẽ với các ngân hàng, thúc đẩy phát triển, mở rộng hoạt động cho các ngân hàng số. Kinh tế dữ liệu (bao gồm việc xây dựng, quản lý đến khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu) là lĩnh vực hết sức mới mẻ với nước ta, nhưng có tiềm năng rất lớn trong tương lai. Việt Nam cần đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn bị nguồn nhân lực; nghiên cứu, xây dựng thể chế, luật pháp chính sách để phát triển và quản lý hoạt động của lĩnh vực này. Nhà nước cần giao cho các doanh nghiệp công nghệ thông tin lớn, như Viettel, VNPT đi tiên phong xây dựng, phát triển kinh tế dữ liệu.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục. Cần có chiến lược, quy hoạch, kế hoạch xây dựng hệ thống y tế, phòng và chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân trên nền tảng công nghệ số, từ việc đầu tư vào cơ sở vật chất, đào tạo đội ngũ cán bộ

đến xây dựng cơ chế, chính sách quản lý... Việc chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào khám, chữa bệnh được thực hiện từ các bệnh viện lớn tuyến Trung ương lan tỏa tới các địa phương, cơ sở; từng bước hình thành hệ thống quản lý y tế thông minh, các bệnh viện thông minh. Việc theo dõi, đăng ký khám, chữa bệnh, thanh toán viện phí, quan hệ tương tác giữa bệnh viện và bệnh nhân được thực hiện qua mạng; bệnh án, hồ sơ sức khỏe của người bệnh được chuyển thành bệnh án, hồ sơ điện tử được lưu giữ tại các cơ sở dữ liệu điện tử, có thể được trí tuệ nhân tạo khai thác hỗ trợ quá trình khám, chữa bệnh. Sử dụng các robot hỗ trợ bác sỹ phẫu thuật đạt tới độ chính xác cao. Phát triển các nền tảng công nghệ cho việc khám, chữa bệnh từ xa, người bệnh ở bệnh viện địa phương được các chuyên gia hàng đầu ở các bệnh viện lớn khám, điều trị, giảm chi phí, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh...

Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo, cần đẩy mạnh việc chuyển đổi số, sử dụng công nghệ số vào công tác quản lý giáo dục, từ quản lý của ngành giáo dục đến quản lý hoạt động của một

trường học (quản lý giáo viên, học sinh, quản lý tài chính, tài sản, quản lý thực hiện chương trình dạy và học...). Số hóa giáo trình, tài liệu, bài giảng, xây dựng cơ sở dữ liệu tạo nguồn kiến thức dùng chung, có thể chia sẻ phục vụ giảng dạy, học tập; phát triển các nền tảng công nghệ cho việc dạy, học, kiểm tra, thi từ xa, qua hệ thống mạng; tạo điều kiện học tập linh hoạt về thời gian, địa điểm phù hợp với điều kiện làm việc, sinh hoạt của mỗi người; mọi người có thể lựa chọn học những kiến thức, kỹ năng thật sự cần thiết cho công việc, cuộc sống của mình, có thể học tập mọi lúc, mọi nơi, học tập suốt đời, hướng tới giáo dục, đào tạo cá thể hóa...

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội

Kinh tế số là một bộ phận của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước do Đảng lãnh đạo và sự tham gia tích cực của các tổ chức xã hội. Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, các tổ chức trong

hệ thống chính trị để các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, các tổ chức trong hệ thống chính trị theo sát được sự phát triển của nền kinh tế số, lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý đúng đắn, đáp ứng kịp thời những yêu cầu phát triển của nền kinh tế số đặt ra, thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước phát triển đồng bộ cả kinh tế số, chính phủ số, xã hội số.

Để chuyển đổi số trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các tổ chức trong hệ thống chính trị đòi hỏi phải: (1) Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế, các quy định, quy chế hoạt động của các cơ quan, tổ chức này phù hợp với phương thức hoạt động mới trên nền tảng công nghệ số. (2) Phải xây dựng hệ thống hạ tầng số kết nối trong hệ thống các tổ chức đảng, trong hệ thống các cơ quan nhà nước, trong hệ thống các tổ chức của hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương, cơ sở và có sự kết nối, liên thông giữa các hệ thống này và bảo đảm an ninh, an toàn cho các mạng này. (3) Phải xây dựng cơ sở dữ liệu trong từng hệ thống: Cơ sở dữ liệu về tổ chức đảng, đảng viên, các cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị của Đảng thể

hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với sự phát triển của đất nước trên tất cả các lĩnh vực; công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, kiểm tra, thi hành kỷ luật Đảng, công tác dân vận Đảng... qua các thời kỳ; cơ sở dữ liệu về tổ chức, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập và hoạt động của bộ máy nhà nước, về điều kiện tự nhiên của đất nước, các vùng, các địa phương; tình hình phát triển tất cả các ngành, lĩnh vực của đất nước, các địa phương qua các giai đoạn lịch sử, đây là một khối lượng rất lớn; cơ sở dữ liệu về tổ chức và hoạt động của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị. Nghiên cứu phát triển, ứng dụng các công nghệ điện toán, trí tuệ nhân tạo vào khai thác, xử lý dữ liệu phục vụ cho công tác lãnh đạo của Đảng, công tác xây dựng Đảng, hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị; đặc biệt là phục vụ cho công tác quản lý của Nhà nước, hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, các bộ, ngành đối với sự phát triển các ngành, lĩnh vực, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp ■

NHỮNG NHẬN THỨC LÝ LUẬN MỚI VỀ XÂY DỰNG, CHÍNH ĐỐN ĐẢNG TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

● PGS, TS NGUYỄN VIỆT THÔNG

Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Đại hội XIII đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, chính đốn Đảng

Đại hội XIII đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, chính đốn Đảng. So với Đại hội XII, công tác xây dựng, chính đốn Đảng không chỉ được đề cập trong Báo cáo chính trị, Đại hội XIII còn có Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng.

Công tác xây dựng, chính đốn Đảng được thể hiện trong chủ đề, bài học kinh nghiệm, quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển.

Một là, chủ đề Đại hội XIII đã phát triển thành tố “Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh” của Đại hội XII thành “Tăng cường xây dựng, chính đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”. Nhận thức mới là bổ sung “xây dựng hệ thống chính trị” cùng với xây dựng Đảng

trong sạch, vững mạnh và không chỉ đề cập đến xây dựng Đảng, mà cả chính đốn Đảng.

Hai là, bài học kinh nghiệm về xây dựng, chính đốn Đảng

Từ thực tiễn công cuộc đổi mới, trực tiếp là 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Báo cáo Chính trị tại Đại hội XIII rút ra năm bài học kinh nghiệm, bài học kinh nghiệm đầu tiên là về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, trong đó nhấn mạnh: Công tác xây dựng, chính đốn Đảng phải được triển khai quyết liệt, đồng bộ, thường xuyên, hiệu quả cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. So với Đại hội XII, Báo cáo Chính trị nhấn mạnh xây dựng Đảng về cán bộ. Đây là bước phát triển về nhận thức của Đảng ta. Đồng thời xác định rõ: Công tác cán bộ phải thực sự là “then chốt của then chốt”, tập

trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên theo phương châm chúc vụ càng cao càng phải gương mẫu; nhất là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng rút ra năm bài học kinh nghiệm:

Một là, nâng cao bản lĩnh chính trị; kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện nghiêm Cương lĩnh, Điều lệ và các nguyên tắc của Đảng; kịp thời tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận để đổi mới sáng tạo, chống bảo thủ, trì trệ; đấu tranh kiên quyết với những biểu hiện cơ hội chính trị.

Hai là, phải đặc biệt coi trọng sự đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động trong Đảng, trước hết trong Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt và cấp uỷ các cấp. Người đứng đầu các cấp phải thực sự mẫu mực, nói đi đôi với

làm, nêu cao tinh thần trách nhiệm, đặt lợi ích của quốc gia - dân tộc, nhân dân lên trên hết, trước hết. Thường xuyên tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân, phát huy vai trò của nhân dân và thật sự dựa vào dân để xây dựng Đảng.

Ba là, phải thấm nhuần sâu sắc quan điểm công tác cán bộ là nhiệm vụ “then chốt” của công tác xây dựng Đảng, có liên quan đến sự sống còn của Đảng và vận mệnh của chế độ; cán bộ là cái gốc của mọi công việc, là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Vì vậy, phải đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu thật sự có đức, có tài, có uy tín trong Đảng và nhân dân.

Bốn là, xây dựng Đảng phải gắn kết chặt chẽ với lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Kết hợp chặt chẽ, đồng bộ, toàn diện, hiệu quả giữa xây dựng và chỉnh đốn Đảng, trong đó xây dựng Đảng là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài; chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, cấp bách; đồng



Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong nhiệm kỳ Đại hội XIII _ Ảnh: TL

thời, xác định đúng trọng tâm, trọng điểm, khâu đột phá.

Năm là, trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, cách làm bài bản, dân chủ, chắc chắn và có bước đi phù hợp; kiên trì, cầu thị, lắng nghe; không cầu toàn, không chủ quan nóng vội, mất cảnh giác và không tự mãn với thành tích đạt được. Đối với những việc mới, khó, phức tạp thì tiến hành thí điểm, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, tìm ra cách làm phù hợp, hiệu quả nhất để nhân rộng.

Năm bài học về xây dựng, chỉnh đốn Đảng nêu trên là một trong những nhận thức mới của Đại hội XIII.

Ba là, quan điểm chỉ đạo công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Báo cáo chính trị nêu năm quan điểm chỉ đạo, quan điểm đầu tiên là: Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ

vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. So với Đại hội XII, Đại hội XIII bổ sung “kiên định nguyên tắc xây dựng Đảng”. Đây là bước phát triển nhận thức của Đảng ta.

Bốn là, mục tiêu xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Đại hội XIII xác định: Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Điểm mới của Đại hội XIII là không chỉ nâng cao “năng lực lãnh đạo” mà cả “năng lực cầm quyền”, không chỉ “xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh”, mà cả “hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện”.

Năm là, định hướng xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Trong định hướng phát triển đất nước 10 năm 2021-2030, Báo cáo chính trị nêu định hướng thứ 11 về xây dựng Đảng: Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện; tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng; đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt

động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; làm tốt công tác tư tưởng, lý luận; chú trọng bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật và dân vận của Đảng.

Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng nêu phương hướng công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XIII.

- Tiếp tục kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

- Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng. Phát huy sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trước hết là Ban Chấp

hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội; coi trọng hơn nữa công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ.

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; phát huy tính tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân của cán bộ, đảng viên. Tăng cường hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, củng cố và không ngừng nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

- Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Xây dựng, hoàn thiện chính sách phát hiện, thu

hút, sử dụng nhân tài; có cơ chế bảo vệ những cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và kiểm soát chặt chẽ quyền lực. Đẩy mạnh đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí.

2. Những nhận thức mới trong nhiệm vụ, giải pháp xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Báo cáo chính trị và Báo cáo chuyên đề về công tác xây dựng Đảng tại Đại hội XIII xác định 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng trong 5 năm 2021-2025, trong mỗi nhóm nhiệm vụ, giải pháp có những nhận thức mới.

Một là, tăng cường xây dựng Đảng về chính trị

Đại hội XIII tiếp tục khẳng định: Kiên định và không ngừng vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong từng giai đoạn. Kiên định mục tiêu độc lập

dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Kiên định đường lối đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đồng thời bổ sung: “Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng”.

Đại hội XIII đã bổ sung, nhấn mạnh ba nhiệm vụ, giải pháp mới nhằm tăng cường xây dựng Đảng về chính trị:

Thứ nhất, về bản lĩnh và năng lực dự báo, Đại hội XIII xác định: Nâng cao bản lĩnh, năng lực dự báo của Đảng trong hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu hướng phát triển của thời đại. Đây là nhận thức mới phù hợp với bối cảnh tình hình thế giới, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, tác động đến nước ta.

Thứ hai, về tổ chức thực hiện nghị quyết, thực tế nhiều năm qua việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghị quyết Đảng vẫn là khâu yếu, chưa được khắc phục; năng lực cụ thể hóa, thể chế hóa chủ trương, nghị quyết còn hạn chế, năng lực tổ chức thực hiện của cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Từ đó Đại hội XIII xác định: Kịp thời thể chế, cụ thể hoá, triển khai đúng

đắn, hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, khắc phục sự yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Nâng cao lập trường, bản lĩnh chính trị, trình độ, trí tuệ, tính chiến đấu của cấp uỷ, tổ chức đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp, cán bộ cấp chiến lược.

Thứ ba, về thực hành dân chủ, Đại hội XIII xác định: Thực hành dân chủ trong Đảng gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Đây là nhiệm vụ, giải pháp rất quan trọng, là một vấn đề thuộc bản chất của Đảng ta.

Hai là, coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng

Kế thừa Đại hội XII, Đại hội XIII xác định: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đại hội XIII đã bổ sung những nhiệm vụ, giải pháp mới:

Thứ nhất, về nắm bắt, dự báo tình hình tư tưởng, Đại hội XIII nhấn mạnh: Nắm chắc, dự báo đúng, định hướng chính xác, xử lý đúng đắn, kịp thời các vấn đề tư tưởng trong Đảng, trong xã hội. Chú trọng nắm bắt, định hướng dư luận xã hội, bảo đảm thống nhất tư tưởng trong Đảng, đồng thuận cao trong xã hội.

Thứ hai, về tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, Đại hội XIII nhấn mạnh: Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, hoàn thiện hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Gắn kết tổng kết thực tiễn với nghiên cứu lý luận, định hướng chính sách... Chú trọng cập nhật kết quả tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; sớm kết luận những vấn đề lý luận đã chín, đã rõ, phát triển, hoàn thiện đường lối, chủ trương xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tổng kết thực tiễn 40 năm đổi mới để bổ sung, phát triển lý luận của Đảng.

Thứ ba, về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Đại hội XIII xác định: Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái,

thù địch, cơ hội chính trị; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ.

Ba là, tập trung xây dựng Đảng về đạo đức

Kế thừa Đại hội XII, Đại hội XIII tiếp tục xác định: Nêu cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, thực hiện thường xuyên, sâu, rộng, có hiệu quả việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Đại hội XIII bổ sung, nhấn mạnh các nhiệm vụ, giải pháp mới:

Thứ nhất, coi trọng nêu gương, Đại hội XIII xác định: Thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm nêu gương, chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Đảng viên tự giác nêu gương để khẳng định vị trí lãnh đạo, vai trò tiên phong, gương mẫu, tạo sự lan toả, thúc đẩy các phong trào cách mạng. Coi trọng kiểm tra, giám sát trong Đảng kết hợp với

phát huy vai trò giám sát của cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, báo chí và nhân dân đối với cán bộ, đảng viên thực hiện các quy định nêu gương.

Thứ hai, coi trọng giáo dục đạo đức cách mạng, Đại hội XIII xác định: Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các giá trị đạo đức cách mạng theo tinh thần “Đảng ta là đạo đức, là văn minh” cho phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc. Xây dựng các chuẩn mực đạo đức làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự điều chỉnh hành vi ứng xử trong công việc hằng ngày. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thấy rõ bốn phạm và trách nhiệm của mình, luôn vững vàng trước khó khăn, thách thức và không bị cám dỗ bởi vật chất, tiền tài, danh vọng. Nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện và thực hành đạo đức cách mạng.

Bốn là, đẩy mạnh xây dựng Đảng về tổ chức; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

Kế thừa Đại hội XII, Đại hội XIII tiếp tục xác định: Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động

hiệu lực, hiệu quả. Đại hội XIII bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp mới:

Thứ nhất, về hoàn thiện mô hình tổ chức của hệ thống chính trị, Đại hội XIII nhấn mạnh: “Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức của hệ thống chính trị. Tổng kết các mô hình thí điểm về tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị, khắc phục sự chồng chéo và những bất hợp lý trong tổ chức của Đảng và tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Thứ hai, về tinh giản biên chế, Đại hội XIII xác định: Đẩy mạnh tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

Năm là, củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên

Kế thừa Đại hội XII, Đại hội XIII xác định: Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Đồng thời, nhấn mạnh: Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp với tiến trình đổi mới, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của

Đảng và hệ thống chính trị. Nâng cao vai trò, trách nhiệm giáo dục, quản lý, rèn luyện, kiểm tra, giám sát đảng viên; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, sinh hoạt của chi bộ.

Nâng cao chất lượng đảng viên. Phát hiện, quy hoạch, bồi dưỡng, phát huy vai trò những đảng viên ưu tú, có triển vọng, chuẩn bị nguồn cán bộ chủ chốt các cấp. Đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên trong công nhân trực tiếp sản xuất, trí thức và doanh nhân. Phát hiện, bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng những thanh niên ưu tú trưởng thành trong phong trào lao động, học tập, trong lực lượng vũ trang, tạo nguồn cán bộ cho hệ thống chính trị các cấp.

Sáu là, tăng cường xây dựng Đảng về cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu

Thứ nhất, về yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, Đại hội XIII xác định: Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Hoàn thiện thể chế, quy định về công tác cán bộ, tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí, cơ chế đánh giá cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là người đứng đầu có bản lĩnh chính trị

vững vàng, có đạo đức trong sáng, năng lực nổi bật, **dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách,** và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung, có uy tín cao và thực sự tiên phong, gương mẫu, là hạt nhân đoàn kết. Sáu “dám” của đội ngũ cán bộ là một nhận thức mới, một điểm nhấn của Đại hội XIII.

Thứ hai, về trách nhiệm của người đứng đầu và kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, Đại hội XIII xác định: Xây dựng quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; thực hiện tốt quy định về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền; xử lý nghiêm minh, đồng bộ kỷ luật đảng, kỷ luật hành chính và xử lý bằng pháp luật đối với cán bộ có vi phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

Bảy là, tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Thứ nhất, về quy định, quy chế, Đại hội XIII xác định: Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy chế nhằm giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương,

nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát. Cải tiến, đổi mới phương pháp, quy trình, kỹ năng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng bảo đảm khách quan, dân chủ, khoa học, đồng bộ, thống nhất, thận trọng, chặt chẽ, khả thi, trong đó tập trung vào các cơ chế, biện pháp chủ động phát hiện sớm để phòng ngừa, ngăn chặn khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên; có chế tài để phòng ngừa, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm kỷ luật đảng.

Thứ hai, về lãnh đạo, chỉ đạo, Đại hội XIII xác định: Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác hướng dẫn, chỉ đạo của ủy ban kiểm tra cấp trên đối với cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra cấp dưới trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

Thứ ba, về phương pháp, Đại hội XIII xác định: Triển khai quyết liệt, thường xuyên, toàn diện, đồng bộ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, phục vụ thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh. Tập trung kiểm tra,

giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những nơi dễ xảy ra vi phạm, nơi có nhiều bức xúc nổi cộm, dư luận quan tâm; xử lý kịp thời, kiên quyết, triệt để, đồng bộ, nghiêm minh các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp để kịp thời phát hiện, ngăn chặn từ xa, từ đầu, giải quyết từ sớm, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn, kéo dài và lan rộng. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng cấp trên đối với cấp dưới.

Thứ tư, về phối hợp với các cơ quan, Đại hội XIII xác định: Kết hợp chặt chẽ và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với giám sát, thanh tra, kiểm toán nhà nước và điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Tăng cường phối hợp giữa giám sát của Đảng với giám sát của Nhà nước và giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội để tăng cường sức mạnh tổng hợp và nâng cao hiệu lực, hiệu quả giám sát, kiểm tra, tránh chồng chéo, trùng lặp, lãng phí nguồn lực, không hiệu quả.

Thứ năm, về nội dung kiểm tra, giám

sát và phát huy vai trò của nhân dân, Đại hội XIII xác định: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ trong việc thể chế hoá và thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác cán bộ, gắn với kiểm soát quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

Tám là, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng

Thứ nhất, về nhận thức, Đại hội XIII nhấn mạnh: Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của các cấp uỷ đảng, hệ thống chính trị về công tác dân vận; có cơ chế phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong tình hình mới.

Thứ hai, về phát huy vai trò của nhân dân, Đại hội XIII xác định: Phát huy vai trò, sự tham gia của nhân dân trong xây dựng, ban hành tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính

sách, pháp luật của Nhà nước trên cơ sở bảo đảm hài hoà lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân, giữa các vùng, miền; quan tâm đến các đối tượng yếu thế trong xã hội. Tiếp tục hoàn thiện, cụ thể hoá, thực hiện tốt cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Tổ chức có hiệu quả, thực chất việc nhân dân tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng tổ chức bộ máy và chất lượng cán bộ, đảng viên.

Chín là, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Thứ nhất, về nhiệm vụ, giải pháp chung, Đại hội XIII xác định: Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, với quyết tâm chính trị cao hơn, hành động mạnh mẽ, triệt để hơn, hiệu quả hơn. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng

ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời những hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, can thiệp, cản trở việc chống tham nhũng, lãng phí, không có vùng cấm. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân; thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự. Gắn phòng, chống tham nhũng, lãng phí với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng, củng cố hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ hai, về giải pháp để “không muốn” tham nhũng, Đại hội XIII xác định: Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự tự giác, thống nhất cao về ý chí và hành động trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, trước hết là sự gương mẫu, quyết liệt của người đứng đầu cấp uỷ, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kiên trì giáo dục, rèn luyện đức tính liêm khiết, xây dựng văn hoá tiết kiệm, không tham nhũng, lãng phí trước hết trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

Thứ ba, về giải pháp để “không thể” tham nhũng, Đại hội XIII xác định: Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kinh tế - xã hội, về kiểm tra, giám sát và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, nhất là các quy định về kiểm soát quyền lực, trách nhiệm người đứng đầu, trách nhiệm giải trình, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; cơ chế bảo vệ, khuyến khích những người làm công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện, xử lý tham nhũng cũng như với người tố cáo, tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, đồng thời xử lý nghiêm những người lợi dụng chống tham nhũng, lãng phí để vu khống, gây mất đoàn kết nội bộ; kiểm soát có hiệu quả tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý; thực hiện chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

Thứ tư, về giải pháp để “không dám” tham nhũng, Đại hội XIII xác định: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, phát hiện sớm, xử lý nghiêm minh các vụ việc, vụ án tham nhũng, lãng phí; kiên quyết thu hồi tài sản tham nhũng; kịp thời xử lý,

thay thế cán bộ lãnh đạo, quản lý khi có biểu hiện tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm những cán bộ những nhiều, vòi vĩnh, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, bảo đảm liêm chính, trong sạch, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng và các cơ quan tham mưu cho cấp uỷ lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng. Từng bước mở rộng phạm vi phòng, chống tham nhũng ra khu vực ngoài nhà nước, mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan và đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, nhân dân và cơ quan truyền thông, báo chí trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; từ đó nâng cao hiệu quả phát hiện và xử lý tham nhũng, lãng phí.

Thứ năm, về giải pháp để “không cần” tham nhũng, Đại hội XIII xác định: Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chính sách tiền lương, nâng cao thu nhập và có chính sách nhà ở, bảo đảm cuộc sống

để cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác.

Mười là, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới

Thứ nhất, về xây dựng quy chế, quy định, quy trình, Đại hội XIII xác định: Tiếp tục cụ thể hoá phương thức lãnh đạo của Đảng ở tất cả các cấp bằng những quy chế, quy định, quy trình cụ thể và công khai để cán bộ, đảng viên và nhân dân biết, giám sát việc thực hiện. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện phân cấp, phân quyền, chống tha hoá quyền lực; có cơ chế để các địa phương phát huy quyền chủ động, sáng tạo, gắn với đề cao trách nhiệm, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý thống nhất của Trung ương.

Thứ hai, về phương hướng, phong cách, lề lối làm việc, Đại hội XIII xác định: Đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở; xây dựng và thực hiện phong cách làm việc khoa học, tập thể, dân chủ, trọng dân, gần dân, hiểu dân, vì dân, bám sát thực tiễn, chịu khó học hỏi, nói đi đôi với làm ■

CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

Hiện nay, các biểu hiện tiêu cực, sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống có tính chất, mức độ khác nhau, diễn ra ở các đối tượng khác nhau, từ đảng viên không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý các cấp, kể cả cán bộ cao cấp. Những biểu hiện tiêu cực, vi phạm và suy thoái, đặc biệt về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu có chiều hướng phức tạp trong Đảng, trong hệ thống chính trị và trong xã hội. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã nhận diện khá rõ nét hành vi tiêu cực, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ qua 27 biểu hiện. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy các cấp, kể từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII, công tác kiểm tra, giám

sát, kỷ luật của Đảng nhằm phát hiện, xử lý những hành vi tiêu cực, vi phạm, suy thoái đã có nhiều chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả quan trọng, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, ủng hộ.

1. Tham mưu xây dựng, hoàn thiện thể chế, cụ thể hóa đường lối, chủ trương, quy định, quy chế của Đảng trong lĩnh vực kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã tập trung tham mưu cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XII của Đảng; sửa đổi, bổ sung, ban hành nhiều văn bản quan trọng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng để thực hiện thống nhất trong toàn Đảng, tạo điều kiện thuận lợi cho cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp triển khai thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới, trong đó nội dung mới, nội dung khó, nhất là cụ thể hóa những nội dung liên quan công tác phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu

hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đã tham mưu hoàn thiện các quy định của Đảng và Nhà nước về xử lý kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; công tác kiểm tra, giám sát đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; trách nhiệm, thẩm quyền của UBKT trong phòng, chống tham nhũng; việc kiểm tra, giám sát kê khai tài sản, công tác cán bộ; bổ sung vào Quy định xử lý kỷ luật đảng viên hình thức kỷ luật đối với 27 biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” của cán bộ, đảng viên; chủ động tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp trong việc thực hiện các văn bản về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật.

Trong nhiệm kỳ, đã chủ trì tham mưu ban hành 14 quy định, quy chế, kết luận và phối hợp tham mưu ban hành 3 quy định, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật liên quan về phòng, chống suy thoái, tham nhũng, tiêu cực, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, thực hiện tốt về kiểm soát quyền lực. Những chế

tài về xử lý hành vi vi phạm trong thực thi nhiệm vụ của tổ chức đảng, đảng viên; về xử lý kỷ luật những tập thể, cá nhân suy thoái nghiêm trọng về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có lời nói và việc làm thể hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” nghiêm trọng đều được quy định cụ thể trong Quy định số 102-QĐ/TW, ngày 15/11/2017 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm và Quy định số 07-QĐi/TW, ngày 28/8/2018 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật tổ chức đảng vi phạm.

Trên cơ sở các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng, công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã ban hành 15 quy định, hướng dẫn để cụ thể hóa việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong đảng, gồm các văn bản hướng dẫn thực hiện một số điều trong Quy định của Trung ương; ban hành mẫu bộ quy trình kiểm tra, giám sát chuyên đề, giải quyết tố cáo, khiếu nại, thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên; quy định tiếp nhận, xử lý đơn thư, tiếp đảng viên và công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo phục vụ bầu

cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp; Quy định về hoạt động của Đoàn kiểm tra, giám sát... Đó là những văn bản quan trọng, làm căn cứ để phát hiện, xử lý nghiêm minh các vi phạm, tạo điều kiện thuận lợi cho cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT các cấp thực hiện nhiệm vụ thống nhất từ Trung ương đến cơ sở, góp phần đưa Nghị quyết Đại hội XII và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII của Đảng vào cuộc sống.

Công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn: nhiều đề tài, đề án có chất lượng, làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và làm tiền đề, cơ sở cho việc thể chế hóa, cụ thể hóa và hoàn thiện một bước phương thức, quy trình, cách thức tiến hành kiểm tra, giám sát, kỷ luật trong Đảng. Từ năm 2016 đến nay, UBK-TTW đã chủ trì nghiên cứu 14 đề tài, đề án khoa học và đang hoàn thiện 07 đề tài, đề án liên quan đến công tác phòng, chống suy thoái, tham nhũng, tiêu cực, kiểm soát quyền lực được Hội đồng khoa học các cơ quan Đảng giao. Đặc biệt đến cuối năm 2020, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã chủ trì nghiên cứu hoàn thành, nghiệm thu đạt loại xuất sắc đề tài cấp Nhà nước với nội dung “Đổi mới nội dung và phương thức lãnh

đạo của Đảng đối với công tác kiểm tra, giám sát trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam”.

2. Công tác phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” thông qua công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

Trong nhiệm kỳ vừa qua, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã có nhiều chủ trương, biện pháp chỉ đạo thực hiện phòng, chống suy thoái, tham nhũng, tiêu cực qua thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đạt được kết quả ban đầu, góp phần quan trọng vào việc đấu tranh về phòng, chống suy thoái, tham nhũng, tiêu cực của Đảng và Nhà nước. Tăng cường kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm trên cơ sở thông tin từ nguồn tin cậy, có căn cứ, kết quả giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, giải quyết đơn thư tố cáo; làm bài bản, chặt chẽ, khoa học, chắc chắn. Mở rộng phạm vi hoạt động của công tác kiểm tra; tăng trách nhiệm, thẩm quyền của ủy ban kiểm tra. Việc kiểm tra, xem xét xử lý kỷ luật vi phạm thực thi nhiệm vụ trước đây chỉ thực hiện đối với đảng viên đương chức, nhưng nay xem xét, xử lý cả đảng viên là cán bộ đã nghỉ

hưu; quan điểm về xử lý kỷ luật là “không có vùng cấm, không có vùng trống, không có ngoại lệ, không có đặc quyền, không có hạ cánh an toàn”, cả dân sự và cả trong lực lượng vũ trang, mọi đảng viên đều bình đẳng khi xử lý kỷ luật, làm nghiêm từ trên xuống.

UBKT Trung ương đã tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt Chương trình kiểm tra hằng năm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng thời chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của mình đạt kết quả tích cực. Nội dung kiểm tra được tập trung vào việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, trong đó tập trung vào việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Ngoài ra, đã thành lập nhiều đoàn kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa X về tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Nghị quyết Trung ương 6

khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với thực hiện Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở và Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/04/2015 của Bộ Chính trị (khóa XI) về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Qua kiểm tra, Bộ Chính trị đã ban hành kết luận số 43-KL/TW, ngày 28/12/2017 về kết quả kiểm tra việc thực hiện Kết luận số 24-KL/TW, ngày 05/6/2012 của Bộ Chính trị khóa XI về đẩy mạnh công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đến năm 2020 và những năm tiếp theo gắn với thực hiện Quy chế bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ; Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 48-KL/TW, ngày 26/4/2019 về việc tự kiểm tra, rà soát thực hiện công tác cán bộ theo Kết luận số 43-TB/TW, ngày 28/12/2017 của Bộ Chính trị và ban

hành Kết luận số 71-KL/TW, ngày 24/3/2020 về xử lý sai phạm trong công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức theo Kết luận số 43-TB/TW, ngày 28/12/2017 của Bộ Chính trị; chỉ đạo Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo Bộ Nội vụ ban hành Hướng dẫn số 2965/HD-BNV, ngày 15/6/2020 về việc xử lý đối với những trường hợp có sai phạm trong công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức. Kết quả, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã thi hành kỷ luật theo thẩm quyền và đề nghị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật trên 100 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý.

UBKT Trung ương và UBKT các cấp rất tích cực, chủ động, quyết tâm, quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên (trong đó trên 1/2 đảng viên là cấp ủy viên các cấp), giám sát thường xuyên và giám sát chuyên đề đối với tổ chức đảng và đảng viên; tập trung nhiều vào những điểm “nóng”, những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực, những vấn đề bức xúc mà dư luận quan tâm như: Việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc; công tác cán bộ; suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống;

trách nhiệm nêu gương; quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, tài chính, ngân hàng; bảo vệ môi trường, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp; thực hiện dự án đầu tư, xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản công... Trong đó, có nhiều việc mới, việc tồn tại đã lâu, rất khó khăn, phức tạp, nhạy cảm, liên quan nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều địa phương, gây bức xúc trong xã hội đã được phát hiện, làm rõ, kết luận và xử lý kỷ luật nghiêm minh nhiều tổ chức đảng và đảng viên vi phạm, có cả những đồng chí giữ cương vị cao của Đảng, Nhà nước, lãnh đạo chủ chốt các địa phương, đơn vị, sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang, đương chức hoặc đã nghỉ hưu,... Các tổ chức đảng và đảng viên sau khi được kiểm tra, giám sát đã nghiêm túc khắc phục, sửa chữa vi phạm, khuyết điểm và hậu quả gây ra, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị đạt nhiều kết quả tích cực, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

Đã kỷ luật nghiêm minh những cán bộ, đảng viên sa vào chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, thực dụng, cơ hội; không chấp hành nghiêm các nguyên tắc tổ chức của Đảng; sa sút ý chí phấn đấu,

không làm tròn chức trách, nhiệm vụ được giao. Một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn để cố ý làm trái, trục lợi cá nhân hoặc để người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình trục lợi. Có nơi bỏ nhiệm cán bộ tràn lan, sai nguyên tắc, trong đó có cả người nhà, gây bức xúc trong xã hội, đã từng bước giữ vững, nâng cao uy tín của Đảng. Nhiều cán bộ, đảng viên, trong đó có người đứng đầu chưa thể hiện tính tiên phong, gương mẫu; còn biểu hiện quan liêu, cửa quyền, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và cá nhân, gây bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, đến mức phải thi hành kỷ luật đảng và bị xử lý theo pháp luật.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã tham mưu cho Ban Bí thư ban hành Quy định số 195-QĐ/TW, ngày 18/6/2019 về chỉ đạo của ủy ban kiểm tra cấp trên đối với ủy ban kiểm tra cấp dưới trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, trong đó chú trọng chỉ đạo tăng cường kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, tập trung vào những vi phạm suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức,

lối sống, những vụ việc nghiêm trọng, phức tạp, lĩnh vực nhạy cảm, quan trọng; giám sát tổ chức đảng, đảng viên, nhất là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý trong việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện trách nhiệm nêu gương và tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; yêu cầu chuyển hồ sơ vụ việc lên ủy ban kiểm tra cấp trên xem xét, xử lý khi có căn cứ cho thấy ủy ban kiểm tra cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã chủ động thành lập Tổ tham mưu, giúp việc trong công tác kiểm tra, giám sát phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII (Quyết định số 731-QĐ/UBKTTW, ngày 10/4/2018); tổ chức thực hiện các nội dung theo chỉ đạo của Ban Bí thư và Ban Chỉ đạo 35 Trung ương một cách nghiêm túc, đầy đủ và đạt kết quả tích cực. Thường xuyên chỉ đạo các vụ, đơn vị trong cơ quan tăng cường công tác theo dõi, nắm tình hình và tham mưu, giúp Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung

ương xem xét, quyết định kiểm tra, giám sát đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị theo quy định. Chỉ đạo Tạp chí Kiểm tra thường xuyên đăng các bài mang tính luận cứ phản bác, phê phán quan điểm sai trái, xuyên tạc, thù địch nhằm bảo vệ Đảng, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nhân dân.

Cùng với đó, Ủy ban Kiểm tra Trung ương thường xuyên phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung Quy định số 126-QĐ/TW, ngày 28/02/2018 của Bộ Chính trị (trước đó là Quy định số 57-QĐ/TW) quy định một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng theo Quy chế phối hợp. Đồng thời, phối hợp xem xét, xử lý kỷ luật nghiêm minh đối với những đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, có những bài viết, phát ngôn trái với Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vi phạm quy định những điều đảng viên không được làm và nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng.

Thông qua công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật nghiêm minh đã góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, xây dựng, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

3. Tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ

Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã thường xuyên chú trọng tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về phòng, chống suy thoái, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực bằng nhiều phương pháp, hình thức, nhất là việc phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và các cơ quan thông tấn báo chí để thông báo, đăng tải trên thông tin đại chúng kết quả sau mỗi kỳ họp của UBKT Trung ương theo Quy định số 120-QĐ/TW, ngày 19/7/2012 của Ban Bí thư. Qua đó, có tác dụng cảnh tỉnh, phòng ngừa những sai phạm, đồng thời, giáo dục, răn đe đối với các tổ chức, cá nhân; làm

cho đảng viên và tổ chức đảng vi phạm thấy rõ sai trái, để tự sửa chữa, khắc phục, và giáo dục cho các tổ chức, cá nhân khác thấy được cái sai, lỗi phạm để làm đúng, làm tốt, rút kinh nghiệm, tránh đi vào “vết xe đổ”.

Lãnh đạo Cơ quan Ủy ban thường xuyên phối hợp với Đảng ủy Cơ quan Ủy ban chỉ đạo các chi bộ, bộ phận chuyên môn và cán bộ, đảng viên quán triệt, phổ biến các nội dung tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, nhằm nâng cao nhận thức và hành động, tự giác rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp và giữ gìn sự trong sáng, thanh liêm, luôn cảnh giác trước mọi hành động lôi kéo, mua chuộc, dụ dỗ, kích động của các thế lực thù địch đối với cán bộ kiểm tra. Một số cán bộ, công chức trong cơ quan thường xuyên viết bài về đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng thông qua công tác kiểm tra, giám sát, phòng, chống tham nhũng, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”... đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đồng thời, đề nghị các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy ở các bộ, ngành, đoàn thể

Trung ương tiếp tục kiểm tra, chỉ đạo kiểm điểm, xử lý các trường hợp có vi phạm trong việc phát ngôn, xuất bản, viết bài có dụng ý chống phá Đảng, Nhà nước trên mạng xã hội.

UBKT Trung ương đã thành lập Ban Tuyên truyền, phân công một số đồng chí Thành viên Ủy ban phụ trách công tác tuyên truyền, phát ngôn của Ủy ban; cho ý kiến khi các đồng chí Thành viên Ủy ban hoặc cán bộ có trách nhiệm trực tiếp trả lời báo chí khi có đề nghị liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và công tác phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Phân công đồng chí Thành viên Ủy ban viết các tin, bài định hướng, tham gia báo cáo viên tại các hội nghị, hội thảo, tập huấn... ■

(Nguồn: Lược trích báo cáo tham luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương tại tọa đàm “Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ” do Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức)